

## Phẩm 32: BẢO VƯƠNG NHƯ LAI TÁNH KHỞI

**A. Giải thích tên gọi:** Bảo Vương là ngọc báu Ma-ni, đáng quý báu nhất cho nên gọi là Bảo; bởi vì có thể sinh ra vật báu tự tại, thù thắng nhất trong các vật báu, chỗ dựa của các vật báu, cho nên gọi là Vương. Dụ về pháp thuộc tánh khởi cũng có đủ ba nghĩa, đó là nghĩa về sinh ra Trí, nghĩa về thù thắng nhất, nghĩa về làm chỗ dựa. Phẩm Như Lai Tạng trong luận Phật Tánh nói: “Từ tự tánh trú đến nay mà đạt được quả, cho nên gọi là Như Lai. Không thay đổi tên gọi của Tánh, hiển bày Dụng phù hợp khởi lên, tức là Tánh Khởi của Như Lai. Lại chân lý gọi là Như, gọi là Tánh; hiển bày Dụng gọi là Khởi, gọi là Lai, tức Như Lai là Tánh Khởi.” Những điều này từ người và pháp, dùng làm đề mục của phẩm. Lại phiên dịch riêng biệt một bản gọi là kinh Như Lai Bí Mật Tạng, và một bản gọi là kinh Như Lai Hưng Hiển, lại văn dưới đây có đủ mười tên gọi, đều có thể biết.

**B. Ý đưa ra:** Phẩm trước trình bày về nhân chủ động phát khởi, phẩm này phân rõ về quả đã hiển bày, cho nên tiếp theo đưa ra.

**C. Tông thú:** Trình bày về pháp môn Tánh Khởi, tức là lấy pháp môn ấy làm Tông. Phân biệt về nghĩa này tóm lược đưa ra mười môn: 1) Phần tướng môn; 2) Y trì môn; 3) Dung nhiếp môn; 4) Tánh đức môn; 5) Định nghĩa môn; 6) Nhiễm tịnh môn; 7) Nhân quả môn; 8) Thông cục môn; 9) Phần tề môn; 10) Kiến lập môn.

**1) Phần tướng môn:** Tánh có ba loại, đó là Lý-Hạnh và quả. Khởi cũng có ba loại, đó là: Một-Lý tánh đạt được Liễu nhân hiển này rõ ràng gọi là Khởi; hai-Hạnh tánh bởi vì chờ nghe xông ướp giúp đỡ phát sinh ra quả gọi là Khởi; ba-Quả tánh khởi, nghĩa là Quả tánh này lại không có Thể riêng biệt, tức là Lý-Hạnh ấy bao gồm đầy đủ Tu sinh đến lúc quả vị, hợp lại làm Quả tánh, ứng với căn cơ có tác dụng giáo hóa gọi đó là Khởi, vì vậy ba phần vị đều là Tánh-đều là Khởi, cho nên nói là Tánh Khởi. Nay trong văn này chính thức phân rõ một loại sau bao gồm phân rõ hai loại trước.

**2) Y trì môn:** Một-Hạnh chứng Lý thành tựu, tức là lấy Lý làm Tánh, Hạnh thành tựu làm Khởi, đây là dựa theo phần vị Bồ-tát, bởi vì phần vị phàm phu có Tánh mà không có Khởi. Hai-Chứng trọn vẹn thành tựu quả, tức là Lý-Hạnh làm Tánh, Quả thành tựu làm Khởi, đây là dựa theo tự đức của Phật. Ba-Lý và Hạnh trọn vẹn thành tựu Quả làm Tánh, Dụng của phó cảm ứng cơ làm Khởi, là ngay nơi Lý-Hạnh thấu suốt đến nghiệp dụng, cho nên Khởi chỉ là Tánh Khởi.

**3) Dung nhiếp môn:** Hạnh đã dựa vào Lý mà Khởi, tức là Hạnh hư giả mà Tánh chân thật, hư giả không còn thì chân thật hiện bày. Khởi chỉ là Tánh Khởi, cho đến Quả dụng chỉ là Dụng của chân tánh, như vàng ròng làm vòng xuyên..., vòng xuyên hư giả mà vàng ròng là chân thật, chỉ là vàng ròng khởi lên, suy nghĩ có thể thấy.

**4) Tánh đức môn:** Bởi vì Lý tánh tức là Hạnh tánh, cho nên Khởi chỉ là Khởi thuộc Lý tánh. Môn này và môn trước sai khác thế nào? Trước đây dựa theo dùng Lý làm mất đi Hạnh mà nói, nay dựa theo Lý vốn có đủ Hạnh mà nói.

Hỏi: Lý là vô vi, Hạnh là hữu vi, Lý hiển bày làm Pháp thân, Hạnh đầy đủ làm Báo thân, Pháp-Báo không giống nhau bởi vì vô vi khác nhau, vì sao Lý tánh tức là Hạnh?

Đáp: Bởi vì trong Như Lai Tạng đầy đủ công đức của hằng sa tánh. Trong luận Khởi Tín nói: “Bất Không Chân Như có nghĩa về ánh sáng của Đại trí tuệ, nghĩa về soi chiếu khắp nơi pháp giới.” Kinh Niết Bàn nói: “Phật tánh, gọi là Đệ-nhất-nghĩa Không, Đệ-nhất-nghĩa Không gọi là Trí tuệ.” Giải thích rằng: Đây tức là trong tánh Vô vi vốn có đủ pháp công đức Hữu vi. Kinh Như Lai Tạng nói mô phỏng đúng hình tượng..., và luận Bảo Tánh nói Chân Như làm chủng tánh... đều là nghĩa này, cho nên nhờ vào Tu dẫn đến quả vị gọi là Quả tánh, Quả tánh phó cảm gọi là Tánh Khởi.

**5) Định nghĩa môn:** Hỏi rằng: Văn sau nói không phải một ít nhân duyên mà thành tựu Đẳng Chánh Giác, đây chính là duyên khởi, vì sao chỉ nói Tánh Khởi? Giải thích rằng: Có bốn nghĩa: Một, Bởi vì tự Thể của quả hải là tánh Bất khả thuyết-bất khả thuyết, cơ cảm đầy đủ duyên, dựa theo duyên trình bày về Khởi, Khởi đã trái với duyên mà thuận với tự tánh, vì vậy bỏ duyên chỉ gọi là Tánh Khởi. Hai, Thể của tánh là Bất khả thuyết, nếu nói ra thì gọi là Khởi, nay dựa vào duyên mà nói là Khởi, Khởi không có Khởi nào khác, vẫn dùng tánh làm Khởi, cho nên gọi là Tánh Khởi chứ không gọi là duyên khởi. Ba, Khởi tuy thu nhận duyên mà duyên nhất định không có tánh, lý của không có tánh hiển bày ở nơi duyên, vì vậy dựa vào hiển bày chỉ gọi là Tánh Khởi, như từ căn bản không có tồn tại mà thiết lập tất cả các pháp... Bốn, Nếu pháp đã Khởi này tựa như tướng của duyên ấy, thì thuộc về duyên khởi; nay trình bày về pháp đã Khởi chỉ dựa vào Dụng thanh tịnh, thuận với Chân tánh cho nên thuộc về Tánh Khởi.

**6) Nhiễm tịnh môn:** Hỏi: Tất cả các pháp đều dựa vào tánh mà thiết lập, vì sao pháp của Tánh Khởi ở văn sau, chỉ dựa theo pháp thanh

tịnh mà không chọn lấy pháp cấu nhiễm? Đáp: Pháp thanh tịnh hay cấu nhiễm... tuy cùng dựa vào Chân, nhưng bởi vì trái-thuận khác nhau, cho nên cấu nhiễm thuộc về Vô minh, thanh tịnh quy về Tánh Khởi.

Hỏi: Cấu nhiễm không phải Tánh Khởi, lẽ ra lìa xa đối với Chân?

Đáp: Bởi vì trái với Chân cho nên không có thể lìa xa Chân, bởi vì trái với Chân cho nên không thuộc về Dụng của Chân, như người điên đảo mang giày làm mũ, điên đảo tức là giày cho nên không lìa xa giày, đầu mang làm mũ không phải Dụng của giày. Nên biết đạo lý trong này cũng như vậy, bởi vì cấu nhiễm không lìa xa Thể của Chân, cho nên nói chúng sinh tức là Như... Bởi vì không thuận với Dụng của Chân, cho nên không phải Tánh Khởi này thâm nhiếp. Nếu dựa theo giữ lại phiền não mà có Dụng thanh tịnh, thì cũng thu nhận đưa vào Tánh Khởi.

Hỏi: Chúng sinh và phiền não đều là Tánh Khởi hay sao?

Đáp: Đều là như vậy, nguyên cơ thể nào? Bởi vì đã cứu giúp, đã đoạn trừ, đã nhận biết, cho nên tất cả không có gì không phải Tánh Khởi.

7) **Nhân quả môn:** Hỏi: Thiện căn của Bồ-tát cũng thuận theo Tánh mà Khởi, vì sao văn sau chỉ phân rõ về quả Phật? Đáp: Bởi vì chưa trọn vẹn cho nên không phân rõ mà thôi. Nếu dựa theo nghĩa làm nhân của Tánh Khởi và nghĩa về quyến thuộc thì đều là Tánh Khởi thâm nhiếp, như văn sau nói lúc cây thuốc chứa nẩy mầm thì tất cả các cây cùng nẩy mầm... Nếu thuận theo nghĩa này, thì bắt đầu phát tâm Bồ-đề trở về sau đều là Tánh Khởi thâm nhiếp, chỉ trừ ra phàm phu-Tiểu thừa, bởi vì hai chỗ ấy không nẩy mầm. Nếu dựa vào làm duyên khiến cho hai loại ấy phát sinh thiện căn, thì cũng là Tánh Khởi thâm nhiếp, như mặt trời soi chiếu người mù...

8) **Thông cục môn:** Hỏi: Tánh Khởi này chỉ dựa vào quả Phật, vì sao văn sau nói Bồ-tát tự biết trong thân mình có Tánh Khởi Bồ-đề, trong tâm của tất cả chúng sinh cũng như vậy? Đáp: Nếu như giáo Tam thừa thì trong tâm chúng sinh chỉ có Tánh của nhân chứ không có Tướng-Dụng của quả. Trong Viên giáo này, pháp của quả Lô-xá-na bao gồm chúng sinh giới, cho nên trong thân chúng sinh cũng có Tướng của quả. Nếu không như vậy thì chỉ là Tánh mà không có nghĩa của Khởi, không phải phẩm này nói đến. Ý văn không như vậy, bởi vì trình bày về Tánh Khởi chỉ là pháp của quả, nhưng mà trong quả có đủ ba thế gian, cho nên chúng sinh cũng do pháp này thâm nhiếp.

Hỏi: Đã hạn chế ở quả Phật, vì sao văn sau nói bao gồm tất cả

các pháp?

Đáp: Nếu như giáo Tam thừa thì tánh Chân Như bao gồm hữu tình và phi tình, mà khai mở giác ngộ Phật tánh vốn chỉ hạn chế ở hữu tình. Kinh Niết Bàn nói: “Không phải Phật tánh thì gọi là cỏ cây...” Nếu như trong Viên giáo thì Phật tánh và Tánh Khởi đều bao gồm Y-Chánh, như văn sau phân rõ, cho nên thành Phật có đủ ba thế gian. Thân quốc độ... đều là thân Phật, vì vậy hạn chế chỉ ở quả Phật, bao gồm tất cả phi tình.

**9) Phân tễ môn:** Chân tánh này đã dung hòa rộng khắp tất cả, pháp đã Khởi ấy cũng có đủ tất cả, từng phần hay trọn vẹn không có giới hạn, cho nên phạm vi nơi chốn thủy đều trọn vẹn đầy đủ, tất cả đều có đủ pháp giới vô tận, vì vậy khắp tất cả thời gian, tất cả nơi chốn, tất cả các pháp... như Nhân-đà-la võng không có gì không đầy đủ.

**10) Kiến lập môn:** Hỏi: Pháp môn không có giới hạn, vì sao văn sau chỉ phân rõ về mười loại? Đáp: Bởi vì hiển bày về vô tận. Những gì là mười loại? 1) Tổng quát phân rõ về nhiều duyên để thành tựu Chánh Giác; 2) Thân Chánh Giác; 3) Ngũ nghiệp; 4) Trí; 5) Cảnh; 6) Hành; 7) Bồ-đề; 8) Chuyển pháp luân; 9) Nhập Niết-bàn; 10) Thấy nghe cung kính cúng dường đạt được lợi ích. Mười loại này tóm lược thu nhận nghiệp dụng của quả Phật, cho nên không tăng-giảm. Mười nghĩa này bao gồm chín phần vị trước, đều có đủ chuẩn mực, nghĩa còn lại ở văn sau sẽ rõ ràng.

**D. Giải thích văn:** Phẩm này phân dài làm bảy phần: Một, Phần gia hộ; hai, Phần căn bản; ba, Phần thừa thỉnh; bốn, Phần thuyết giảng; năm, Phần hiển bày tên gọi thọ trì; sáu, Phần biểu hiện điềm lành chứng minh thành tựu; bảy, Phần kệ tụng tổng quát thâu nhiếp.

Ngay trong phần thứ nhất là phần Gia hộ, có hai: Một, Lòng trắng phát ánh sáng gia hộ cho người thừa thỉnh; Hai, Miệng phát ánh sáng gia hộ cho người thuyết giảng.

Trong phần một cũng có hai: Trước là gia hộ bằng ánh sáng; sau là lợi ích của gia hộ.

Trong phần trước có mười: 1) Trình bày về nơi phát ra, giữa chạng mày là biểu thị cho chứng đạo lìa xa hai bên, lông trắng nhỏ dài là biểu thị cho Tánh Khởi, vốn là căn bản của các giáo. 2) Hiển bày về tên gọi của ánh sáng, trình bày về pháp của Như Lai là bởi vì muốn biểu thị thuyết giảng về pháp Tánh Khởi của Phật. 3) Nghiệp thuộc nhân. 4) Nghiệp dẫn ra. 5) Nghiệp cung kính. 6) Nghiệp giác ngộ. 7) Nghiệp dừng lại. 8) Nghiệp hàng phục. 9) Nghiệp thị hiện. 10) Nghiệp cuốn lại. Tiến

vào đỉnh đầu của Diệu Đức, là chính thức trình bày về tướng gia hộ; vì sao gia hộ cho Bồ-tát này, là bởi vì như tên gọi biểu thị thuyết giảng về pháp Tánh Khởi; tiến vào đỉnh đầu là tướng của gia hộ duy trì.

Phần sau từ “Nhĩ thời...” trở xuống là phân rõ về lợi ích của gia hộ, trong đó có hai: 1) Lợi ích của Đại chúng: Một là tâm vui mừng..., thành tựu lợi ích về pháp khí; hai là lợi ích nghĩ đến pháp. 2) Trong lợi ích của Diệu Đức, bởi vì ánh sáng tiến vào đỉnh đầu làm thay đổi oai nghi của ba nghiệp, mà thành tựu về tướng thừa thĩnh: Một là oai nghi của thân trạch áo quỳ xuống; hai là ý không có niệm gì khác; ba là nói kệ ca ngợi thừa thĩnh.

Trong ca ngợi thừa thĩnh có mười kệ phân sáu: 1) Có một kệ ca ngợi Đức Phật bày tỏ lễ nghi; 2) Có năm kệ ca ngợi Đức Phật phát ra ánh sáng; 3) Có một kệ ca ngợi về lợi ích của ánh sáng trước đây; 4) Có một kệ ca ngợi về chúng có đức có thể nghe; 5) Có một kệ ca ngợi Đức Phật có đức khai thị; 6) Một kệ sau cuối thừa thĩnh Đức Phật chỉ rõ người thuyết giảng. Vì sao không thừa thĩnh Đức Phật mà lại cầu người khác thuyết giảng? Bởi vì lúc ánh sáng tiến vào thân đã khiến cho nhận biết không phải Đức Phật tự thuyết giảng. Lại nhiều ví dụ giống như trên, bởi vì nhận biết không phải Đức Phật thuyết giảng, cho nên cầu người khác thuyết giảng.

Trong phần hai là miệng phát ánh sáng gia hộ cho người thuyết giảng, trước đã thừa thĩnh chỉ rõ, nay chỉ rõ cũng có hai: Trước là gia hộ, sau là lợi ích.

Trong gia hộ cũng có mười: 1) Trình bày về nơi phát ra, miệng phát ra ánh sáng là biểu thị cho giáo đạo lưu truyền khắp nơi. 2) Ánh sáng tên gọi Vô ngại là biểu thị cho biện tài vô ngại, ngôn giáo tự tại; Vô úy là không sợ hãi đối với lý sâu xa, ở giữa Đại chúng không có gì sợ hãi; nghĩa còn lại giống như trước. Tiến vào miệng Phổ Hiền, là bởi vì khiến cho thuyết giảng như Phật thuyết giảng. Lại vốn là miệng lưu truyền. Lại như miệng phát ra-tai thu vào là khiến cho lắng nghe, nay miệng phát ra-miệng thu vào là khiến cho thuyết giảng. Vì sao chỉ gia hộ cho Phổ Hiền? Bởi vì biểu thị cho pháp đã thuyết giảng này là pháp rộng khắp, cho nên đều là tướng gia hộ. Sao không tiến vào đỉnh đầu? Bởi vì gồm đủ Giáo. Lại trong kinh Niết Bàn nói: “Phật từ miệng phát ra ánh sáng lại thu vào từ miệng, vốn biểu thị cho thu nhận không còn.” Kinh ấy nói ánh sáng của Như Lai phát ra rồi lại thu vào, không phải không có nhân duyên, chắc chắn là những việc làm đã làm xong ở mười phương, bởi vì tướng Niết-bàn cuối cùng này cùng với tướng này

khác nhau.

Sau từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trong phần trình bày về lợi ích của gia hộ, hơn hẳn trăm lần vượt lên trên đồng loại, bởi vì biểu thị cho pháp thù thắng, sợ rằng lạm dụng giống như Phật, cho nên so sánh để chọn lấy. Phần Gia hộ, xong.

Trong phần thứ hai là phần Căn bản, có hai: Một là thưa hỏi. Hai từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là giải đáp, trong đó có ba: 1) Dẫn ra việc xưa; 2) Tương tự nay giải đáp; 3) Lợi ích nghe tên gọi. Trước là mặt đất rung động, trình bày về đưa ra tên gọi của phần Căn bản, biểu thị cho diễm cảm của Đại pháp này sắp phát khởi; đưa ra luận chất vấn về ánh sáng, trình bày về nghe tên gọi Diệu Đức này phát sinh cảm giác thưa hỏi, cho nên có thể thưa hỏi về mười môn Tánh Khởi. Nếu không như vậy thì biết đâu mà thưa thỉnh?

Trong phần thứ ba là phần Thưa thỉnh cũng có hai, đó là Trường hàng và Tụng.

Trong phần Trường hàng có ba: Một, Nêu ra pháp thưa thỉnh; Hai, Ca ngợi chúng thưa thỉnh; Ba, Ca ngợi người thuyết giảng để thưa thỉnh.

Ngay trong phần ca ngợi chúng, có ba: a) Nêu rõ Đại chúng; b) Từ “Thiện học...” trở xuống ca ngợi có đủ đức; c) Từ “Thành tựu như thị...” trở xuống kết luận về chúng quy tụ.

Ngay trong phần b là ca ngợi về đức, sơ lược ca ngợi về mười đức: 1) Nghiệp về giới thanh tịnh; 2) Thành tựu về Niệm-Tuệ; 3) Đầy đủ hai trang nghiêm; 4) Trú trong oai nghi của Phật; 5) Đầy đủ hạnh của Phật; 6) Từ “Chánh niệm...” trở xuống là đức của Đại Định; 7) Đức của Đại Bi; 8) Từ “Quyết định...” trở xuống là đức của Đại Trí; 9) Đức của Thần thông thù thắng; 10) Trú vào đức của quả.

Phần c là kết luận, có thể biết.

Phần ba từ “Nhân giả...” trở xuống là ca ngợi người thuyết giảng có đức có thể thuyết giảng, cũng hiển bày mười đức: 1) Gieo trồng nhiều thiện căn; 2) Thành tựu về diệu hạnh; 3) Định tự tại; 4) Chứng pháp sâu kín; 5) Khéo léo loại trừ nghi ngờ; 6) Thông hiểu giáo pháp; 7) Khéo léo nhận biết căn cơ; 8) Thuyết giảng tùy theo căn khí; 9) Thuận theo trí Phật; 10) Kết luận về vô tận. Từ “Thiện tai...” trở xuống là kết thúc thưa thỉnh. Tốt lành thay(thiện tai) có ba loại: a) Pháp quan trọng vi diệu; b) Chúng có thể nghe; c) Nhân giả có thể thuyết giảng cho nên nói là mong mỗi thuyết giảng.

Trong phần Kệ thưa thỉnh có mười chín tụng phân ba: 1) Một

tụng rưỡi nêu rõ ca ngợi người thuyết giảng và người nghe; 2) Chính thức thưa thỉnh về mười môn Tánh Khởi; 3) Từ “Thanh tịnh chân...” trở xuống là ca ngợi về đức khuyến khích thuyết giảng.

Ngay trong phần hai là chính thức thưa thỉnh: Một, Hai câu thưa thỉnh là môn tổng quát thứ nhất; hai, Câu tiếp riêng biệt thưa thỉnh là thân nghiệp; ba, Câu tiếp là ngữ nghiệp; bốn, Câu tiếp là ý nghiệp; năm, Câu tiếp là cảnh đã nhận biết; sáu, Câu tiếp là hạnh đã thực hành; bảy, Câu tiếp là nêu ra quả đã đạt được, có bản trong này lại có hai câu, đó là tu tập...; tám, Hai câu tiếp là Pháp luân đã chuyển; chín, Hai câu tiếp là Niết-bàn đã nhập; mười, Từ “Phật tử...” trở xuống là bốn tụng rưỡi thưa thỉnh về lợi ích thấy nghe cung kính cúng dường thuộc môn thứ mười. Từ “Tịnh như...” trở xuống là trong phần giải đáp mở rộng giải thích.

Trong phần ba từ “Thanh tịnh...” trở xuống là ca ngợi về đức khuyến khích thuyết giảng, có sáu: Một, Một tụng thưa thỉnh Phổ Hiền thuyết giảng về cảnh sâu rộng; hai, Tiếp một tụng ca ngợi về đức thích nghe của chúng; ba, Tiếp hai tụng khuyến khích dùng ngôn từ khéo léo nhờ vào ví dụ để thuyết giảng; bốn, Tiếp hai tụng trở lại nêu ra ba nghiệp để thưa thỉnh thuyết giảng; năm, Tiếp hai tụng ca ngợi về chúng hội hiếm có để khuyến khích thuyết giảng; sáu, Tiếp hai tụng kết thúc thưa thỉnh hiển bày về niềm vui của chúng.

Trong phần thứ tư là phần Thuyết giảng, giải đáp mười câu hỏi trước đây tức là mười đoạn, mỗi một đoạn đều có hai, đó là Trường hàng và Tụng. Trong mười đoạn:

**Thứ nhất:** Giải đáp về Tánh Khởi thuộc Chánh Pháp vốn là Tổng tướng, chín loại như thân nghiệp... vốn là Biệt tướng, đều là Tánh Khởi. Đồng-Dị-Thành-Hoại đều dựa theo đây, có thể biết. Lại giải thích: Môn đầu này là pháp đã dựa vào, chín môn còn lại là đức có thể dựa vào, dựa vào pháp thành tựu đức cùng gọi là Tánh Khởi. Lại mười môn này đều dựa theo duyên hiển bày tánh, tánh thuận theo duyên hiện rõ cho nên gọi là Tánh Khởi. Cũng có các Sư, lấy một môn đầu trong mười môn này làm nhân, chín môn sau làm quả, văn tướng không thích hợp.

Ngay trong phần đầu là Trường hàng có ba: Một, Dựa theo Pháp tóm lược mà nói; hai, Dựa vào Dụ mở rộng trình bày; ba, Dựa vào Pháp tổng quát kết luận. Ba phần này đều có mười môn, trong đó mười môn của phần một, có người đem giải thích riêng biệt từng môn một phối hợp với Thập Địa, sợ rằng không thuận với văn; có người đem mười môn này phối hợp riêng biệt mỗi một môn mở rộng trình bày ở phần

sau, cũng không thuận với văn.

Nay giải thích về phần tóm lược này, mỗi một môn đều bao gồm mười môn trong phần mở rộng giải thích; mười môn trong văn kết luận ở phần sau, cũng mỗi một môn bao gồm kết luận về mười môn trong phần mở rộng giải thích. Vì vậy nhân duyên trong này kể ra tổng quát có bốn loại: 1) Nói mười loại là dựa vào phần tóm lược thứ nhất; 2) Nói trăm là dựa theo mười môn ở phần tóm lược thứ nhất đưa vào trong mười môn ở phần mở rộng, mỗi một môn có đủ mười môn cho nên có trăm môn; 3) Nói ngàn là dựa vào mười môn kết luận ở phần sau, mỗi một môn kết luận về trăm cho nên có ngàn môn; 4) Vô lượng A-tăng-kỳ..., là trong phần mở rộng... ấy mỗi một môn đều có nhiều môn, như bốn Trí phong luân-mười quang minh... lại cũng bao gồm thấu nhiếp các nhân duyên trong chín loại như thân... cho nên vô lượng...

Trong giải thích văn có hai: Một, Nói cho chúng biết; Hai, Hiển bày giải thích.

Trong hiển bày giải thích có hai: 1) Tổng quát ca ngợi rất rộng cho nên nói là không nghĩ bàn; 2) Từ “Sở dĩ...” trở xuống là giải thích thành tựu.

Phần một tổng quát giải thích có hai nghĩa: a) Bởi vì nhân duyên rộng nhiều vô lượng gọi là không nghĩ bàn, cho nên văn sau nói không phải một ít nhân duyên... b) Rất sâu xa vi diệu gọi là không nghĩ bàn, cho nên văn sau nói không có tạo tác cũng không có thành tựu... Hai nghĩa này đều không phải phần vị dưới mà suy lường được, cho nên nói là không nghĩ bàn.

Phần hai từ “Dĩ thập chủng...” trở xuống là chính thức hiển bày, trong đó có nêu ra-giải thích và kết luận.

Trong giải thích: Một, Căn bản của hành này, do Đại tâm này nhiều kiếp huân tập không rời bỏ chúng sinh, cho nên ngày nay thị hiện thành tựu Chánh giác. Hai, Đã từ lâu tu nhiều pháp thiện, tâm sâu xa thẳng thắn dẫn dắt thiện căn này thị hiện thành tựu Chánh giác. Ba, Dùng Từ Bi cứu giúp chúng sinh không có giới hạn tận cùng, cho nên thị hiện thành tựu Chánh giác. Bốn, Tích lũy công hạnh rộng nhiều, Đại nguyên không có khô cạn, tận cùng thời gian vị lai, thị hiện thành tựu Chánh giác. Năm, Tuy tích lũy công đức thành tựu đầy đủ, mà hóa độ chúng sinh tăng thêm pháp thiện, tình thức không hề chán đủ, cho nên thị hiện thành tựu Chánh giác, như sâu kim cho Tỳ-kheo mù... Sáu, Đức của hai Lợi trọn vẹn, vì vậy mà thành Phật. Bảy, Trí khéo léo nhiều cách, ứng với căn cơ xuất hiện, cho nên thành tựu Chánh giác. Tám,



Phước tạng tròn vẹn. Chín, Trí trang nghiêm đầy đủ, cho nên xuất thế thị hiện Chánh giác, không thể cùng tận. Mười, Nếu không thành Phật, thì không biết từ đâu tuyên thuyết về nghĩa của pháp vô tận, cho nên thị hiện Chánh giác. Mười loại này đều là ở phần thành tựu của quả nói đến nhân duyên ấy, nhưng nhân của Phật là vì chúng sinh mà thị hiện, không chọn lấy tự đức. Nhưng cũng bởi vì chúng sinh mà thị hiện thành Phật là tự đức, lại không có tự đức nào khác, cho nên thấu nhiếp nhân tất cả đều tận cùng. Như vậy nhân duyên đã không có tự tánh, lý của không có tự tánh là căn bản khởi lên tác dụng, cho nên gọi là Tánh Khởi. Văn kết luận có thể biết.

Trong phần hai là dựa vào Dự thuyết cũng có mười, trong mỗi một loại đều có ba: Trước là Dự, tiếp là Hợp, sau là Kết luận.

Trong phần Thưa thỉnh trước đây nói: Nhân duyên và thí dụ là tôi phân biệt mà thuyết giảng. Mười loại trước phân rõ về nhân duyên, từ đây trở xuống là trình bày về thí dụ, cũng có nghĩa của nhân duyên.

Một: Dự về Đại thiên phát khởi thành tựu, dự cho nhiều duyên của Phật cùng khởi lên tánh-khởi lên đức.

Trong đó, trước là trong Dự: 1) Tổng quát nêu ra nhiều duyên. 2) Riêng biệt phân rõ về mây mưa. 3) Bởi vì mưa mà gió nổi lên. Một gọi là có năng lực duy trì, nghiệp lực của chúng sinh ở nơi kiếp Không, lúc thế giới sắp thành lập, ở trên không trung trước tiên nổi lên mây mưa, nếu không có gió duy trì, nước mưa không ngừng lại, thì hủy hoại thế giới khác, vì vậy nghiệp lực khởi lên Phong luân thứ nhất. Nước nếu không giảm xuống, thì không biết từ đâu có thể khởi lên cung điện của chư Thiên, vì vậy nghiệp lực khởi lên Phong luân thứ hai. Tuy có thể làm nước cạn dần mà nơi nổi lên không biết từ đâu, vì vậy nghiệp lực khởi lên Phong luân thứ ba. Giảm xuống một mức nước nổi lên một cung trời, như vậy từng bước xuống phía dưới, cho đến tạo thành núi Tu-di và mặt đất... Tuy khởi lên nơi chốn tổng quát, mà không có thể làm cho trang nghiêm theo chủng loại riêng biệt ấy, vì vậy nghiệp lực ấy khởi lên Phong luân thứ tư, khiến cho thế giới này mới được đầy đủ tròn vẹn. Khí thế gian này thành lập trước, Chúng sinh thế gian thành lập sau, rộng ra như luận Câu Xá phân rõ mà thôi. 4) Trong kết luận về nhân của nghiệp, nói thiện căn của Bồ-tát là bởi vì cùng thọ dụng, Bồ-tát Địa tiền vốn sinh vào Uế độ. 5) Kết luận về nhiều duyên, bốn loại này là đứng đầu, lý thật thì vô lượng, cho nên nói là như vậy đều vô lượng. 6) Từ “Pháp như thị cố...” trở xuống là trình bày về pháp duyên khởi vốn như vậy, đều không có tự tánh. Không có tạo tác, là trình bày

về Thể chủ động tạo tác trống rỗng; cũng không có thành tựu, là trình bày về Tánh của thụ động tạo tác trống rỗng.

Tiếp trong phần Pháp-Hợp, ở sáu câu trên tóm lược không có câu thứ năm, còn lại theo thứ tự kết hợp. Bốn Trí trong này có người đem phối hợp với Văn-Tư-Tu-Chứng, văn tướng không thích hợp. Nay giải thích trong bốn Trí, một Trí là Tổng trì đưa vào pháp; hai Trí tiếp là dựa vào pháp khởi hạnh, một là diệt trừ Hoặc, hai là thành tựu Đức; một Trí sau là dựa vào nhân đạt được quả. Ba Trí trước đã là nhân, vì sao đều nói là Trí của Như Lai? Giải thích: Bởi vì ở phần vị của quả nói về nhân trước kia, cho nên nói là từng ở quá khứ... trong quả chỉ chọn lấy quả của nhiếp hóa, vì vậy nói là khiến cho chúng sinh...

Sau từ “Như Lai vô lậu...” trở xuống là kết luận. Còn lại đều có thể biết.

Hai: Dụ về mưa lớn ngập Đại thiên, đây chính là lấy gió trước đây đã duy trì mưa để dụ cho đức của Phật sâu rộng khó biết, nghĩa là đạt được lực Đà-la-ni vô tận gọi là thành tựu các lực. Nếu dựa theo Nhất thừa, thì từ Thập Tín trở đi đều là Bồ-tát. Nếu dựa theo Tam thừa thì từ Địa thứ tám trở lên có thể tiếp nhận pháp này.

Hỏi: Môn này chỉ hiển bày về pháp khó nhận biết, sao thành tựu nhân duyên?

Đáp: Bởi vì nước lớn ấy là nghiệp cảm của chúng sinh khiến cho thế giới thành lập, Đại Bồ-tát ấy do cơ mà cảm, Như Lai xuất hiện ở thế gian thuyết về làn mưa pháp này, vốn là nhân duyên.

Ba: Dụ về mưa lớn không biết từ đâu, đây cũng là mưa lớn do nghiệp cảm của chúng sinh đã nói trước đây, từ mây mà tuôn mưa vốn không có ngừng lại, về sau mất đi cũng không có nơi đi, ví như Tánh Khởi nhờ vào duyên, đức không có đến-đi, nghĩa là đối với Phật không biết từ đâu, hòa vào căn cơ không có mất đi. Vì vậy Đức Phật xuất hiện, vốn là nhân duyên.

Bốn: Dụ về mưa lớn khó biết, cũng gọi là dụ về Ma-hê biết giọt, đây cũng là mưa lớn ở kiếp bắt đầu trước đây, ví như Đại cơ có thể tiếp nhận đức thuộc Tánh Khởi của Phật, nghĩa là đã có đủ lực tu hạnh của Thập Địa, vì vậy căn khí Đại thừa mới có thể tiếp nhận pháp này. Cổ nhân Giải thích rằng: “Bởi vì Tánh Khởi có bốn: 1) Giáo rộng; 2) Hạnh lớn; 3) Nhân sâu; 4) Quả xa. Vì thế cho nên Nhị thừa không thể nào biết được.”

Năm: Dụ về mưa lớn thành bại, ví như Phật diệt trừ Hoặc mà thành tựu Trí đức, đều có năm loại: 1) Có thể dập tắt ngọn lửa rừng

rực; 2) Có thể thành lập xứ sở; 3) Có thể ngăn chặn nước lớn; 4) Có thể thành tựu tất cả các vật báu trong biển; 5) Có thể trang nghiêm nơi chốn phân biệt trong Đại thiên thế giới.

Trong Pháp: Hai loại đầu là diệt trừ chướng-thành tựu phước, hai loại tiếp là diệt trừ chướng-thành tựu trí, một loại sau là dùng pháp soi chiếu căn cơ, có thể biết.

Sáu: Dụ về một cơn mưa tùy theo phân biệt, ví như một ý vị của Phật tùy theo đức của căn khí, có thể biết.

Bảy: Có hai Dụ: Đầu là một dụ về cõi Sắc thành lập trước, ví như duyên thù thắng của Phật thì đức thành tựu trước; sau là một dụ về giải thích nghi ngờ, nghĩa là hai loại trước thành lập do nghiệp lực, hai pháp khác nhau do căn cơ mà phân biệt.

Tám: Trong dụ có ba: 1) Dụ về hoa sen biểu thị cho Phật; 2) Dụ về nơi Phong luân khởi lên; 3) Từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận.

Trong phần một, dựa vào quyển thứ ba trong kinh Đại Bi năm quyển nói: “Vì sao gọi là Hiền kiếp? Nay A-nan! Tam thiên Đại thiên thế giới này lúc kiếp sắp thành lập, lúc ấy tất cả là một mặt nước, trời Tịnh Cư dùng Thiên nhãn nhìn thấy thế giới này, chỉ là một mặt nước mênh mênh, thấy có ngàn đóa hoa sen tuyệt diệu, mỗi một đóa hoa sen đều có ngàn cánh, ánh sáng sắc vàng ròng sáng rực soi chiếu khắp nơi, hương thơm tỏa ra ngào ngạt, rất đáng yêu thích. Trời Tịnh Cư ấy, bởi vì nhìn thấy sự việc này, tâm sinh hoan hỷ, cho đến ca ngợi rằng: Kỳ lạ thay, hiếm có! Trong kiếp như vậy, sẽ có ngàn Đức Phật xuất thế, cho nên gọi kiếp này là Hiền kiếp.” Giải thích rằng: Trong này, hoa gọi là Như Lai Khởi, là biểu thị cho Đức Phật xuất thế. Lại trong này nên nói mọc lên ngàn đóa hoa sen, cho nên văn sau nói nhận biết chư Phật xuất thế bằng số đóa hoa, giống với kinh Đại Bi. Lại một mức nước giảm xuống, một Phong luân nổi lên, thành lập một xứ sở, mười Phong luân theo thứ tự thành lập xứ sở đầy đủ.

Trong phần Pháp-Hợp, ví như Phật thành tựu đức của Đại sự: Một, Phật xuất thế hợp với mặt nước mênh mênh trên đây, trước tiên thọ ký cho Bồ-tát, hợp với hoa sen mọc lên biểu thị cho Phật trên đây, từ “Hựu năng thiện tri...” trở xuống là hợp với nhận biết chư Phật xuất thế bằng số đóa hoa trên đây. Hai, Từ “Phục hữu quang danh Ly cấu...” trở xuống là hợp với mười Phong luân, cũng có các Sư đem phối hợp với Thập Địa theo thứ tự riêng biệt giải thích, văn tựa như có phần thuận mà sợ rằng không phải ý đó, nhưng biết tất cả là một nghĩa đều biểu thị cho đức của Phật, ứng và cảm không giống nhau.

Từ “Như Lai Đại Bi...” trở xuống là hợp với văn kết luận trên đây.

Từ “Phật tử Như Lai Tánh Khởi...” trở xuống là giải thích về nghi ngờ: a) Phân rõ về Chánh lý; b) Từ “Chúng sinh niệm ngôn...” trở xuống là nêu ra tình ý nghi ngờ; c) Từ “Thử phi Như Lai...” trở xuống là giải thích nghi ngờ; d) Người khác nghi ngờ rằng: Đã không phải Phật tạo ra, thì Phật lại đâu cần đến? Giải thích rằng: Phật chỉ là thiện hữu, do nhân duyên mà thành tựu, không có tạo tác-không có tánh, vì vậy vẫn giống như pháp căn bản của Tánh Khởi.

Chín: Dụ về bốn Luân dựa vào nhau, ví như Thể-Dụng của Phật dựa vào đức duy trì, nhưng Phong luân đã dựa vào Thủy luân có bốn nghĩa: 1) Duy trì nước gọi là an trú; 2) Tánh không thay đổi gọi là bất động; 3) Nối tiếp nhau một thời kỳ gọi là thường trú; 4) Thể tánh chặt chẽ gọi là kiên cố. Dựa vào luận Câu Xá thì dày bằng mười sáu Lạc-xoa.

Trong phần Pháp-Hợp: Đầu là hợp với bốn Phong luân; sau là hợp với bốn Luân.

Trong phần đầu: 1) Thâu nhiếp giữ lấy; 2) Trao cho pháp; 3) Canh giữ bảo vệ; 4) Soi chiếu chân thật. Cũng có người đưa vào bốn Nhiếp hợp với bốn Phong luân, đều có thể biết.

Trong phần sau là hợp với bốn Luân, làm lợi ích cho chúng sinh hợp với Địa luân trước đây, Từ Bi hợp với Thủy luân, Trí phương tiện hợp với Phong luân, Như Lai hợp với Không luân, dựa vào duy trì có thể biết.

Mười: Dụ về Đại thiên làm lợi ích, ví như Đức Phật xuất hiện ở thế gian là đức làm lợi ích chúng sinh, khiến cho đạt được lợi ích của ba Học. Trong Tuệ: 1) Bên trong đạt được chân thật; 2) Bên ngoài tác dụng soi chiếu rõ ràng. Còn lại đều có thể biết.

Trong phần ba là kết luận khuyến khích nhận biết có mười câu, mỗi một câu đều bao gồm kết luận về mười môn trước, đó là: 1) Điều vốn là nhiều; 2) Điều vốn là rộng; 3) Điều vốn là sâu; 4) Điều vốn là diệu; 5) Điều vốn là lớn; 6) Điều vốn là thường; 7) Điều vốn là khắp; 8) Điều vốn là nối tiếp; 9) Điều vốn là như nhau; 10) Điều vốn là lợi ích. Trên đây là sơ lược phân rõ, tổng quát hiển bày về ngàn môn nhân duyên của Tánh Khởi, xong.

Trong phần sau là kệ tụng, có sáu mươi lăm tụng phân hai: Một, Có hai mươi tám tụng ca ngợi sâu xa nhận lời thuyết giảng, tụng về phần giải đáp tổng quát trên đây; Hai, Từ “Thí như Đại thiên...” trở

xuống là ba mươi bảy tụng, tụng về mười Dụ trên đây.

Trong phần một có hai: Đầu là hai mươi bốn tụng ca ngợi về pháp rất sâu xa khó suy lường; sau từ “Thị cố...” trở xuống là bốn tụng trình bày nhận lời thuyết giảng về phạm vi giới hạn.

Trong phần đầu cũng có hai: 1) Có hai mươi hai tụng ca ngợi về đã nhận biết rất sâu xa; 2) Từ “Như Lai thậm thâm...” trở xuống là hai tụng hiển bày về có thể nhận biết căn khí thanh tịnh.

Trong phần một cũng có hai: a) Có hai tụng tổng quát hiển bày về đức của Phật sâu rộng khó suy lường; b) Từ “Nhất thiết chư Như Lai...” trở xuống là hai mươi tụng riêng biệt hiển bày về đức của Phật trong mười môn khó suy lường, đều có hai tụng hiển bày một đức. Một, Hai tụng hiển bày về đức khó nghĩ bàn của Phật, trước là tổng quát nêu ra, sau là riêng biệt phân rõ, có thể biết. Trong phần sau là dựa theo Dụ, đều trước Dụ-sau Pháp. Hai, Dụ về mảy trần, dụ cho đức vô hạn của Phật. Ba, Dụ về lượng bằng hư không, dụ cho đức rộng lớn của Phật. Bốn, Dụ về tâm số, dụ cho đức vô lượng của Phật. Năm, Dụ về pháp giới, dụ cho đức rất sâu xa của Phật. Sáu, Dụ về Như Như, dụ cho đức ly tướng của Phật. Bảy, Dụ về không ranh giới, dụ cho đức vô ngại của Phật. Tám, Dụ về tánh trống rỗng, dụ cho đức thuộc tánh thanh tịnh của Phật. Chín, Dụ về lìa xa ngôn từ, dụ cho đức không gì sánh bằng của Phật. Mười, Dụ về dấu tích của chim, dụ cho đức thuộc Thể-Dụng của Phật. Lại giải thích: Mười môn này tức là tụng về mười câu thuộc văn kết luận trước đây, trong đó chỉ có môn thứ chín lùi lại tụng về câu thứ bảy trước đây, còn lại đều dựa vào thứ tự phối hợp để giải thích, có thể biết.

Trong phần hai là hai tụng hiển bày về có thể nhận biết căn khí thanh tịnh: Đầu là một tụng tổng quát khuyến khích về ý thanh tịnh; sau là một tụng riêng biệt phân rõ, nửa tụng trước khiến cho lìa xa Tướng, từ “Kiến điên đảo...” trở xuống kết luận về ý thích thanh tịnh.

Trong phần sau là bốn tụng về nhận lời thuyết giảng: Đầu là hai tụng khuyên nhủ lắng nghe tổng quát nhận lời; sau là hai tụng riêng biệt nêu ra chín môn sau để trình bày về nhận lời thuyết giảng, trong đó: Trong một câu cảnh giới sâu xa của Như Lai, thâm nhiếp hạnh của Như Lai và Bồ-đề, những môn còn lại dựa vào văn đều có đủ.

Từ đây trở xuống trong phần riêng biệt tụng về mười Dụ: Một, Có chín tụng tụng về Dụ thứ nhất, trong đó năm tụng đầu là tổng quát, bốn tụng sau là riêng biệt. Hai, Có bốn tụng tụng về Dụ thứ hai. Ba, Có ba tụng tụng về Dụ thứ ba. Bốn, Có ba tụng tụng về Dụ thứ tư. Năm, Có

ba tụng tụng về Dụ thứ năm, trong đó chỉ tụng về Pháp-Hợp, lược qua không tụng về Dụ. Sáu, Có hai tụng tụng về Dụ thứ sáu. Bảy, Có bốn tụng tụng về Dụ thứ bảy. Tám, Có hai tụng tụng về Dụ thứ tám. Chín, Có hai tụng tụng về Dụ thứ chín. Mười, Có ba tụng tụng về Dụ thứ mười. Cuối cùng là hai tụng ca ngợi lợi ích kết luận về thuyết giảng.

Trên đây là giải đáp về Tánh Khởi thuộc Chánh Pháp trong môn tổng quát, xong.

**Thứ hai:** Trong phần riêng biệt giải đáp về Tánh Khởi thuộc chín môn. Trước là trình bày về Tánh Khởi thuộc Thân Nghiệp, bởi vì vốn là chỗ dựa căn bản.

Ngay trong Trường hàng có hai: Một, Tổng quát nói cho biết nêu ra môn; Hai, Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là giải thích hiển bày về tướng của nghĩa. Trong này có năm trăm môn phân biệt: 1) Dựa theo Pháp tổng quát hiển bày có năm môn; 2) Dựa vào Dụ riêng biệt phân rõ có mười thân, tức là năm mươi môn; 3) Bao gồm kết luận về có thể nhận biết cũng có mười môn, tức là năm trăm môn. Dựa theo thể lệ cũng phải có ngàn môn, nhưng bởi vì trong tổng quát cho nên lược bớt.

Trong phần một có hai: Một, Tổng quát nêu ra đức rộng lớn; Hai, Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về thành tựu. Trước là giải thích ngược, sau là giải thích thuận, tất cả có năm: Pháp là chỗ dựa Hành, Hành là chủ động dựa vào, Thân là do Hành mà thành tựu, Sát là chỗ dựa của Thân, Chúng sinh là nơi giáo hóa, đều tận cùng pháp giới, đều nói là vô lượng.

Trong phần hai là dựa vào Dụ riêng biệt phân rõ, sơ lược phân rõ về mười thân Tánh Khởi của Như Lai: Một, Thân vô biên rộng khắp mọi nơi; Hai, Thân rộng khắp không có vướng mắc; Ba, Thân Đại Dụng thành tựu lợi ích; Bốn, Thân bình đẳng ứng với căn cơ; Năm, Thân ánh sáng tiềm ẩn tác dụng bí mật; Sáu, Thân trọn vẹn qua lại tự tại; Bảy, Thân một nhiều vô ngại; Tám, Thân không suy nghĩ gì mà thành tựu sự việc; Chín, Thân Thể Dụng làm lợi ích chúng sinh; Mười, Thân tùy theo ý niệm mãn nguyện. So sánh mười thân này cũng đưa ra mười Dụ, trong mỗi một Dụ đều có ba, đó là Dụ-Hợp và Kết luận.

Ngay trong một là trình bày Dụ về hư không rộng khắp, bởi vì hư không này không có hình dáng, không phải những nơi có thể đi đến, cho nên nói là không nơi đến; như vậy vô ngại có khắp tất cả mọi nơi, cho nên nói là không nơi nào không đến, ví như Thân vô biên rộng khắp mọi nơi của Phật. Nói tùy theo thích hợp mà hiện thân, là giải thích về nghi ngờ.

Hai: Dụ về hư không lia xa cấu nhiễm, dụ cho Thân rộng khắp không có vướng mắc, đều có nêu ra và giải thích, có thể biết.

Ba: Dụ về ánh sáng mặt trời làm lợi ích, dụ cho Thân Đại Dụng thành tựu lợi ích, đều có tổng quát-riêng biệt giải thích về thành tựu.

Trong Hợp, trong riêng biệt có mười lợi ích: 1) Lợi ích về diệt trừ pháp ác-phát sinh pháp thiện; 2) Lợi ích về phát sinh hiểu biết-trừ bỏ mê hoặc; 3) Lợi ích về mang lại niềm vui-loại bỏ khổ đau; 4) Lợi ích về trao cho pháp-nuôi lớn đạo; 5) Lợi ích về Tín thành tựu-hết chướng ngại; 6) Lợi ích về thấy rõ Lý-thuận theo Sự; 7) Lợi ích về soi chiếu cảnh-không để sót; 8) Lợi ích về Vô duyên Từ-Thiện; 9) Lợi ích về hoa tâm nở rộ; 10) Lợi ích về hạnh thành tựu cứu cánh. Sau là giải thích về thành tựu, có thể biết.

Bốn: Có hai Dụ: Trước là Dụ về ánh sáng mặt trời soi chiếu bình đẳng, dụ cho Thân bình đẳng ứng với căn cơ của Phật.

Trong Hợp có sáu phần vị cơ cảm, đó là ba Thừa và ba Tụ, lợi ích về vô niệm mà soi chiếu. Sau là Dụ về giải thích nghi ngờ, nghĩa là nếu như chỉ cơ cảm có khác mà pháp không khác, thì vì sao hiện tại thấy Thánh giáo không giống nhau? Giải thích là tùy theo hy vọng ấy mà Giáo cũng không giống nhau.

Năm: Dụ về mặt trời soi chiếu người mù, dụ cho Thân ánh sáng tiềm ẩn tác dụng bí mật của Phật.

Trong Dụ: Đầu là không thấy gì, sau là bí mật làm lợi ích.

Trong Hợp có hai: Trước là sơ lược kết hợp; sau từ “Phật tử...” trở xuống là mở rộng hiển bày.

Ngay trong phần trước là sơ lược: Đầu là người mù không tin, người mù có bốn loại: 1) Tà kiến; 2) Phạm tội nặng; 3) Ngu si; 4) Tà mạng. Tất cả đều không có đôi mắt của Tín, cho nên gọi là người mù. Sau từ “Phật tử...” trở xuống là lợi ích tiềm ẩn của mặt trời trí tuệ: Trước là lợi ích về ngừng Khổ, sau là lợi ích về đoạn Tập.

Trong phần sau là mở rộng hiển bày, có hai: Đầu là phân rõ về ánh sáng có thể làm lợi ích; sau là hiển bày về chúng sinh đã lợi ích.

Trong phần đầu: Một, Nêu ra mười ánh sáng: Một loại đầu là phát sinh Giới, hai loại tiếp là thành tựu Định học, hai loại tiếp là thành tựu Văn tuệ, một loại tiếp là thành tựu Tư-Tu, hai loại tiếp là thành tựu Chứng trí, hai loại sau cùng là thành tựu Hậu đắc trí. Hai, Kết luận mở rộng có ngàn, cổ nhân nói: “Năm trăm soi chiếu phía dưới là năm phần vị của hạnh thuộc Tự phần, năm trăm soi chiếu phía trên là năm phần vị của hạnh thuộc thắng tiến.”

Trong phần sau là đã lợi ích có bốn: Một, Lợi ích cho Bồ-tát, trước là khiến cho đạt được mười đức của mười phần vị Phổ Hiền; sau là nhờ đạt được pháp ấy, thành tựu Chứng trí, trong đó các Nhập là mười Nhân-Nhĩ... trước đây. Hai, Lợi ích cho Nhị thừa, bởi vì không cầu Chứng trí, không có thể làm lợi ích cho chúng sinh, mà chỉ diệt trừ phiền não của mình. Ba, Lợi ích cho phàm phu mù lòa, một là khiến cho thân vui sướng, hai là tâm điều hòa, ba là thành tựu hạnh, đó là bốn Niệm xứ. Bốn, Lợi ích cho chúng sinh ở đường ác, trong đó có hai, một là ánh sáng nơi thân cứu giúp đường ác, hai là âm thanh Từ Bi phá tan tà kiến. Lại giải thích có bảy: 1) Trừ đau khổ được niềm vui. 2) Nhờ đó khởi lên tà kiến, nghĩa là trước mê mờ về Phật lực, sau chấp vào Phạm hạnh. 3) Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là âm thanh Từ Bi chỉ rõ Chánh kiến. 4) Từ “Bỉ chư...” trở xuống là cứu giúp thành tựu Chánh kiến. 5) Từ “Hoan hỷ dĩ...” trở xuống khởi lên hạnh báo ân. 6) Phật thọ ký cho. 7) Kết luận về lợi ích của ánh sáng.

Sáu: Dụ về ánh sáng mặt trời lạ lùng, dụ cho Thân trọn vẹn qua lại tự tại của Phật.

Trong Hợp trình bày về thân này của Phật có bốn điều đặc biệt kỳ lạ: 1) Vô tướng hiện rõ vượt lên trên; 2) Thân thường ngay nơi kéo dài và rút ngắn; 3) Trú vào Thể luôn luôn hiện rõ hình ảnh; 4) Một thân hưởng về khắp nơi hiện rõ. Bồ-đề khí, cổ nhân nói: “Bởi vì biển tâm lắng trong, lia xa các vọng niệm, cho nên hình ảnh của Phật hiện rõ.” Nay Lại giải thích: Nghĩa là vốn thành tựu căn khí Bồ-đề. Lại tùy theo pháp đã nghe là cơ thuộc Địa tiền, tùy theo Địa giải thoát là căn khí Chứng Địa.

Bảy: Dụ về thân Phạm ứng với khắp nơi, dụ cho Thân một nhiều vô ngại của Phật, cũng không hề khởi niệm..., có thể biết.

Tám: Dụ về y thuật khéo léo của thầy thuốc giỏi, dụ cho Thân không suy nghĩ gì mà thành tựu sự việc của Phật.

Trong Dụ có hai: 1) Hiển bày về đức hiện có của thầy thuốc giỏi; 2) Từ “Bỉ Đại y...” trở xuống là trình bày sau khi chết giữ lại thân như lúc đầu để cứu giúp chúng sinh.

Trong Hợp cũng có hai: 1) Hợp với đức hiện có của thầy thuốc giỏi; 2) Từ “Vô lượng ức...” trở xuống là trong Hợp chú nguyện và thuốc giữ lại thân kết hợp với giữ lại thân sau khi chết. Trong đó có ba: a) Đến bờ bên kia là chính thức hợp với mạng chung, bởi vì sinh tử vĩnh viễn không còn, cho nên nói là đến bờ; b) Khéo léo học hỏi... là hợp với thuốc xoa và chú nguyện giữ lại khiến cho tùy theo có khởi lên giáo hóa



trú trì không đoạn tuyệt; c) Như Lai dùng một ít phương tiện... hợp với tuy không có ý niệm suy nghĩ mà có đủ bốn oai nghi chữa trị nhiều căn bệnh.

Chín: Dụ về lợi ích của Ma-ni, dụ cho Thân Thể Dụng làm lợi ích chúng sinh của Phật.

Trong Hợp có hai: Trước là Thể, sau là Dụng. Trước là Đại phước trí tạng, phước trí là Thể, bởi vì có thể sinh ra, cho nên nói là Tạng, hợp với Ma-ni tạng có thể sinh ra các thứ báu. Sau là trong Dụng của ánh sáng: 1) Khiến cho các ngoại đạo rời bỏ tà giống như sắc màu đích thực; 2) Thành tựu nhân thanh tịnh; 3) Đạt được quả vui sướng, hợp với mưa vật báu trước đây. Mục Khư, Trung Hoa nói là Điện, tức là tên gọi vật báu.

Mười: Dụ về vật báu chứa xứng với ý niệm, dụ cho Thân tùy theo ý niệm mãn nguyện của Phật. Từ “Trừ Phật thân lực...” trở xuống là giải thích nghi ngờ, có thể biết.

Trong phần ba là kết luận khuyến khích nhận biết, cũng có mười: 1) Nhiều Tín tâm; 2) Tiến sâu vào... là chứng pháp rộng rãi; 3) Trú vào Chân... là trú vào lý sâu xa; 4) Vô sinh... là kết luận về Thể thường còn; 5) Ba đời... là trọn vẹn ba thời gian; 6) Đều có năng lực... là rời bỏ tình thức hư vọng; 7) Tiến vào vị lai... đến bờ kia; 8) Chánh pháp... là Dụng giáo hóa khắp nơi; 9) Tất cả pháp giới là Thể giáo hóa rộng khắp, nói Chánh pháp đây khắp là nối liền hai câu sau; 10) Tất cả chư Phật... là trọn vẹn đức của quả. Bởi vì mười loại này nhận biết về mười thân trước đây, cho nên thành ra năm trăm môn.

Trong tụng có bốn mươi hai kệ tụng về mười thân trước đây, trong đó môn thứ tư-thứ tám đều có năm tụng, các môn còn lại đều có bốn tụng, nên biết. Giải đáp về Thân Nghiệp, xong.

**Thứ ba:** Tánh Khởi thuộc Ngữ Nghiệp, nghĩa là trước trình bày về thân, tiếp theo trình bày về ngữ; trước là Sắc, tiếp là Thanh, vốn là nghĩa theo thứ tự.

Trong giải thích, trong Trường hàng có ba: Một, Tổng quát tóm lược giải thích về mười loại; Hai, Riêng biệt mở rộng phân rõ về mười loại, đều có đủ mười môn nối thông trước đây cho nên thành ra trăm môn; Ba, Sau dùng mười môn nối thông kết hợp với một trăm môn trước đây cho nên cũng có ngàn môn. Phân biệt âm thanh tưởng tận chọn lấy tất cả đều vô lượng, như sau trong kết luận đều nói là vô lượng.

Ngay trong phần một là tổng quát giải thích, có hai: Trước là phân rõ về âm thanh đã nhận biết, có mười loại: 1) Thể rộng khắp; 2) Đức

tuyệt diệu; 3) Vừa ý cơ; 4) Diễn pháp; 5) Khai ngộ; 6) Hợp thời; 7) Thêm Giới; 8) Thêm Định; 9) Thân Tuệ; 10) Xứng tánh cho nên nói là như tiếng vang không có chủ. Sau là phân rõ về tướng của lợi ích chủ động nhận biết, bởi vì chủ động nhận biết này như thụ động nhận biết, cho nên cùng với điều ấy, cuối cùng là vô biên. Sơ lược luận về năm loại đều có đưa ra tên gọi-giải thích về nghĩa. Thấy biết sinh ra là đưa ra tên gọi, loại này có hai nghĩa: 1) Thấy biết này tức là sinh ra nuôi lớn thiện căn, giải thích về sinh ra; 2) Thấy biết về âm thanh của Phật có thể sinh ra và nuôi lớn thiện căn của chúng sinh. Bốn loại còn lại đều có hai giải thích: 1) Dựa theo chủ động nhận biết; 2) Dựa theo thụ động nhận biết, có thể biết. Lại trong năm loại này: 1) Dựa theo nhiều; 2) Sâu xa; 3) Rộng rãi; 4) Thường; 5) Thật. Đều có thể biết.

Trong phần hai là mở rộng phân rõ hiển bày về mười loại âm thanh của Như Lai, cũng dùng mười Dụ.

Một: Dụ về suốt kiếp phát ra âm thanh, dụ cho âm thanh của Phật thuyết pháp bình đẳng, nghĩa là bình đẳng không có chủ, không bỏ thuyết pháp. Trong đó có ba: 1) Trong Pháp thuyết: Lượng dựa theo phạm vi giới hạn, Chủ dựa theo Thể tánh, Trí dựa theo nghiệp dụng. Không phải Lượng...: Một, Bởi vì rộng khắp cho nên không thể lường tính, trở thành giải thích biểu hiện cho nên không phải vô lượng. Hai, Lượng cũng không thể có được, vô lượng cũng không thể có được. Không phải Chủ... đều giống với hai cách giải thích. 2) Trong Dụ: Trước là nêu ra, tiếp là phân rõ, sau là kết luận. Dựa vào luận Câu Xá: “Sinh ở cõi Vô sắc có hai nhân: a) Lực của Nhân, đó là tập khí gần và tập khí có sẵn; b) Lực của Nghiệp, đó là báo của nghiệp quả thuộc hậu báo ở cõi trên sắp đến. Nếu sinh ở cõi Sắc thì có ba nhân, đó là cộng thêm lực của pháp vốn như vậy, nhưng lúc căn khí hư hoại thì pháp vốn như vậy mà có âm thanh. Lại không có thể vượt qua thứ tự sinh đến Thiên thứ hai..., vẫn chờ đợi Hỏa tai lan đến Thiên thứ nhất mới sinh đến Thiên thứ hai, vẫn chờ đợi Phong tai lan đến Thiên thứ ba mới sinh đến Thiên thứ tư.” 3) Trong Hợp trình bày về thế gian sinh tử của Phật sắp hủy hoại cũng phát ra bốn âm thanh thuyết về pháp của bốn Thừa, Thể của âm thanh bình đẳng không có chủ-không có tạo tác. Còn lại đều có thể biết.

Hai: Dụ về tiếng vang tùy theo đáp lại, dụ cho âm thanh của Phật ứng hiện không có phương hướng nơi chốn.

Ba: Dụ về âm thanh trống rỗng nghe mà giác ngộ, dụ cho âm thanh của Phật dạy dỗ khuyên nhủ phát ra hơn hẳn bình thường.

Trong Hợp có năm: 1) Tổng quát; 2) Riêng biệt thuyết về pháp

Nhị thừa; 3) Từ “Xuất sinh vô lượng...” trở xuống là riêng biệt thuyết về pháp Đại thừa; 4) Từ “Chúng sinh văn...” trở xuống là chính thức giải đáp về những lợi ích; 5) Từ “Như Lai diệu âm...” trở xuống là trình bày về âm thanh bất dứt hình tướng-lìa xa ngôn từ, mà vốn có căn cơ nghe thuyết pháp. Luận Đại Thừa Trang Nghiêm nói: “Nếu sáu mươi loại âm thanh của chư Phật là pháp có chứ không phải là pháp không có, thì chư Phật không thể nào dùng âm thanh rộng khắp đến vô lượng A-tăng-kỳ quốc độ ở khắp mười phương. Bởi vì âm thanh là pháp không có chứ không phải là pháp, cho nên chư Phật có thể dùng âm thanh rộng khắp đến..., cho đến nói rộng ra.”

Bốn: Dụ về âm thanh vi diệu của người nữ quý báu, dụ cho âm thanh trọn vẹn thuộc pháp loa của Phật, nghĩa là một âm thanh phát ra nhiều âm thanh, mỗi một âm thanh thuyết giảng về nhiều pháp, đều tùy theo chủng loại khác nhau mà hiểu.

Năm: Dụ về âm thanh cõi Phạm đều tự mình nghe, dụ cho âm thanh của Phật chỉ riêng căn cơ thuần thực mới nghe, không vượt ra nhiều bên ngoài là bởi vì căn cơ chưa thuần thực.

Sáu: Dụ về nước tùy theo đồ đựng khác nhau, dụ cho âm thanh của Phật giống nhau và khác nhau không có gì ngăn ngại.

Bảy: Dụ về Long Vương tuôn mưa, dụ cho âm thanh của Phật nuôi dưỡng thiện căn, không từ bên ngoài đến là lìa xa Phật vốn không có âm thanh, không từ bên trong phát ra là lìa xa căn cơ vốn không có âm thanh.

Tám: Dụ về Long Vương từ từ tuôn mưa, dụ cho âm thanh của Phật theo thứ tự thuyết pháp, cũng là âm thanh xem xét căn cơ trao cho pháp.

Trong Hợp có hai: Trước là hiện thân mây tư duy trải qua bảy ngày, không lập tức thuyết giảng là chờ đợi căn cơ chín muồi; sau là từ từ thuyết pháp, lại cũng vốn không thuyết pháp.

Chín: Dụ về Long Vương liên tục tuôn mưa, dụ cho âm thanh của Phật đủ loại sai biệt, nghĩa là âm thanh khác-thuyết giảng khác, đều từ pháp giới thanh tịnh mà phát ra, vốn là khác mà không có gì khác.

Mười: Dụ về Long Vương tuôn mưa khắp nơi, dụ cho âm thanh của Phật tuôn mưa khắp nơi pháp giới.

Trong Dụ có sáu: 1) Mây; 2) Chớp; 3) Sấm; 4) Gió; 5) Mưa; 6) Kết luận.

Trong Hợp cũng có sáu: 1) Hợp với mười thân mây, loại đầu là tổng quát, chín loại còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Bốn loại đầu

là dựa theo tướng bên ngoài, bốn loại tiếp là dựa theo đức bên trong, một loại sau là xứng với tánh. 2) Hợp dựa vào thân mây phát ra mười ánh chớp. 3) Trong hợp với sấm rung động, nói Tam-muội là trình bày dựa vào Định phát khởi thuyết giảng, từ chỗ dựa làm tên gọi, mười loại có thể biết. 4) Hợp với gió, nghĩa là lúc sắp thuyết pháp, trước là thuận theo Từ Bi phát khởi trí Hậu đắc, cảnh giác gia hộ khắp nơi khiến cho thân tâm mềm mại để trở thành pháp khí, sau đó mới thuyết pháp. 5) Hợp với mười loại mưa pháp: Một, Bồ-tát an tọa đạo tràng là hiện thân an tọa dưới tán cây Bồ-đề, trước khi sắp thành Phật, mưa pháp Bất hoại có ba: a) Kim Cang Tam-muội này thì chướng ngại vì tế không có gì trở ngại, cho nên nói là Bất hoại; b) Chân Như ra khỏi ràng buộc, cho nên nói là Bất hoại; c) Làm cho các quân ma phải hàng phục, không để cho có thể phá hoại. Hai, thân sau cuối của Bồ-tát là đã ở trong thai và sinh ra, chưa an tọa nơi đạo tràng; mưa giáo Bí mật, là giáo Bí mật của Phật, tức là tiến vào trí Bí mật; vui chơi tự tại, là pháp Đại thần thông. Hai loại trên là phần vị Đẳng giác. Ba, Bồ-tát còn một đời là chưa ở trong thai, trước giống như Di-lặc... là phần vị của Trí, soi chiếu tất cả mây-mưa của Đại pháp. Bốn, được thọ ký là Địa thứ tám, mưa pháp Đại trang nghiêm là Đại pháp của Địa thứ chín trở lên. Năm, đạt được Nhẫn là từ Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy; mưa công đức..., Phước quý báu như vật báu, Trí đầy đủ giống như hoa, hai hạnh nối tiếp nhau gọi là không đoạn, bởi vì Địa thứ bảy về sau có gián đoạn, cho nên lần mưa này không đoạn hành pháp. Sáu, hưởng về hạnh là phần vị Tam Hiền thuộc Địa tiền, bởi vì hưởng đến chính thức Chứng, cho nên nói là Hưởng; mưa không lui sụt..., bởi vì đạt được phần vị; Lợi tha không mệt mỏi, gọi là tiến vào Hóa môn; Tự hành không chán ngán, gọi là tiến vào rất sâu xa. Bảy, mới phát tâm là phần vị Thập Trú, mới phát tâm trú trong làn mưa, Định của Như Lai... là khiến cho tu hạnh về Chỉ, Đại Từ... là khiến cho tu hạnh về Quán, Chỉ-Quán cùng tu tập, hai Lợi cùng phát khởi. Tám, vì Duyên giác mưa sâu..., là nhận biết Vô minh-Hành cảm đến quả như Thức... gọi là lìa xa Đoạn kiến, quả phát khởi-nhân lưu chuyển cho nên lìa xa Thường kiến; lại quán thuận lìa xa Đoạn kiến, quán nghịch lìa xa Thường kiến, tuy lìa xa Đoạn-Thường mà cũng không hủy hoại, đạt được quả giải thoát. Chín, khiến cho đạt được Trí tạng thuộc bốn Đế, làm khuấy phục Hoặc oán thuộc bốn Trụ. Mười, vì chúng sinh ba Trụ, một là Chánh định, hai là Tà định, ba là Bất định, đều thuận theo căn của mình khiến cho đạt được lợi ích của pháp mà hoan hỷ. 6) Trong kết luận, Chánh giác tâm... là hợp với tâm bình đẳng của Long Vương,

từ “Đản dĩ...” trở xuống là hợp với căn của chúng sinh không giống nhau mà cảm đến thuyết giảng có khác nhau.

Phần ba là nối thông kết hợp với mười âm thanh: Trước là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Trong riêng biệt có mười loại vô lượng, mỗi một loại đều nối thông kết hợp với mười âm thanh trước đây, trong đó đều trước là nêu ra tên gọi Vô lượng, sau là giải thích về nghĩa Vô lượng, nghĩa đều có thể thấy. Trên đây dựa vào nhau tổng quát dùng một ngàn môn phân biệt về âm thanh, xong.

Trong tụng có bốn mươi tụng, tụng về mười đoạn trước đây, mỗi một đoạn đều có bốn tụng như thứ tự, nên biết. Giải đáp về Âm Thanh, xong.

**Thứ tư:** Tánh Khởi thuộc Ý Nghiệp, trước là thân-ngữ, tiếp là trình bày về ý, bởi vì từ thô dần dần tế, trình bày theo thứ tự. Trong đó nêu ra môn và giải thích về nghĩa.

Trong giải thích về nghĩa: Một, Dựa theo Pháp tổng quát phân rõ; Hai, Dựa vào Dụ riêng biệt hiển bày; Ba, Tổng quát kết luận về pháp đã nhận biết.

Trong phần một: Nói tâm-ý-thức không phải chính là Như Lai, đây là phân rõ xác định về Thể của pháp, nghĩa là trong văn này muốn trình bày về tâm Phật, nhưng tâm Phật... đều Chuyển y thành Trí, cho nên dựa vào Trí ca ngợi ý nghiệp của Phật mà nói là chỉ nhận biết về Trí vô lượng... Ý văn này trình bày về Phật không có tâm ý mà chỉ vốn là Trí. Nhiếp Luận quyển thứ tám nói: “Nghĩa là chỗ dựa của Trí vô phân biệt vốn không phải tâm-không phải nghĩ bàn, cũng không phải là không phải tâm làm chỗ nương tựa; tâm vốn là chủng loại, lấy tâm làm nhân, thế lực của tập khí có sẵn dẫn dắt đạt được phần vị này, gọi là chủng loại của tâm.” Giải thích rằng: Không phải nói là phần vị này mà có tâm. Nếu như vậy thì lẽ nào Trí này là tâm sở mà không có tâm vương làm chỗ dựa hay sao? Giải thích có nhiều nghĩa: Một nghĩa nói rằng Lý thật thì Phật Địa có tám Thức thanh tịnh, nhưng nói đến Trí là dựa vào mạnh mẽ thù thắng mà nói. Luận nói: Bởi vì Thức vô cấu của Như Lai tương ứng với Trí viên cảnh. Nói Trí vô lượng cho nên tâm cũng vô lượng, là dựa theo tâm sở ví dụ cho tâm vương, nêu ra chủ động dựa vào để hiển bày thụ động dựa vào. Luận Phật Địa... trình bày đầy đủ về nghĩa này. Nên biết rằng đây là dựa theo Sơ giáo mà phân rõ. Một nghĩa nói rằng Lý thật thì Phật Địa chỉ là Đại Trí, không nói đến tám Thức và những tâm pháp khác. Kinh nói Phật không có tâm-ý-

thức... Luận nói chỉ có Như Như và Trí Như Như độc lập tồn tại, còn lại tất cả đều bắt dứt... Cùng với văn kinh này và Nhiếp Luận... như nhau hiển bày về nghĩa này. Nên biết rằng đây là dựa theo Chung giáo mà nói. Một nghĩa nói rằng Đại Trí trong Phật Địa giống như Chân tánh, bởi vì soi chiếu tức là vắng lặng. Trong phẩm Thập Tạng, Đại Trí của Như Lai không sinh không diệt... là nghĩa này. Nên biết rằng đây là dựa theo Đốn giáo mà nói. Một nghĩa nói rằng Đại Trí của Phật Địa tức là Lý-tức là Trí, tức là tâm sở-tức là tâm vương, hoặc là tách ra-hoặc là hợp lại, bởi vì cùng với ba nghĩa trước không tách rời nhau, đầy đủ mười Trí không có gì chướng ngại. Nên biết rằng đây là dựa vào Viên giáo mà nói vậy thôi.

Trong phần hai là dựa vào Dụ riêng biệt hiển bày, sơ lược nêu ra Dụ về mười loại Đại, dụ cho mười loại Đại Trí của Như Lai.

Một: Dụ về hư không không có chỗ dựa, dụ cho Trí của Phật bình đẳng không có chỗ dựa, nghĩa là có thể làm Tăng thượng duyên cho người khác, có thể làm chỗ dựa cho người khác, tự mình không dựa vào người khác cho nên không có chỗ dựa. Lại giải thích: Bởi vì phần vị đầy đủ cho nên không có chỗ dựa nào nữa. Lại giải thích: Bởi vì Trí dựa vào quả, Trí của quả không có chỗ dựa. Lại giải thích: Trí thế gian là Gia hạnh, Trí lìa xa thế gian là Hậu đắc, cùng dựa vào Căn bản, Trí Căn bản không có chỗ dựa. Vì sao không nói dựa vào Chân Như? Giải thích: Chỗ dựa là nghĩa về mong cầu, Chứng Chân trọn vẹn đầy đủ lại không có gì hướng đến mong cầu, cho nên gọi là không có chỗ dựa. Lại giải thích: Bởi vì tánh của Trí tự lìa xa, cho nên không có chỗ dựa nào nữa. Nếu như vậy thì các Trí còn lại lẽ nào không như vậy hay sao? Giải thích là bởi vì Trí này chứng lý cao nhất.

Hai: Dụ về pháp giới không thay đổi, dụ cho tánh thuộc Trí của Phật không tăng-giảm, như Tam thừa có thể Chứng tự nhiên có sâu-cạn, pháp giới đã Chứng không có tăng-giảm.

Trong Hợp: Chủ động dựa vào Hậu đắc thì tùy theo thế gian đủ-thiếu, thụ động dựa vào Chân trí thì tánh không có tăng-giảm.

Ba: Dụ về biển rộng thấm nhuần lợi ích, dụ cho Trí của Phật vô niệm làm lợi ích cho chúng sinh, nghĩa là gia trì cho chúng sinh, giúp đỡ niệm lực cho họ, cho nên nói là tâm thấm nhuần mềm mại.

Bốn: Dụ về sinh ra vật báu lớn, dụ cho Trí của Phật thì Dụng hiển bày mà Thể bí mật.

Trong Hợp: 1) Hợp với biển Phật có ngọc châu của Trí; 2) Hợp với Dụng sinh ra vật báu; 3) Nêu ra bốn tên gọi.

**Pháp sư Biện nói:** “Đây tức là Trí tuệ có thể sinh ra bốn Thừa: 1) Có thể sinh ra Thanh văn thừa; 2) Có thể sinh ra Duyên giác thừa; 3) Có thể sinh ra Bồ-tát thừa; 4) Có thể sinh ra Thiên-Nhân thừa.”

**Pháp sư Diễn-Anh... nói:** “1) Trí thuộc Chứng đạo thì đoạn trừ Hoặc chướng; 2) Gọi là Trí thuộc Trợ đạo thì đoạn trừ Trí chướng; 3) Trí không trú vào đạo thì rời bỏ Báo chướng. Ba loại trên là Tự lợi. 4) Trí làm lợi ích cho chúng sinh tức là hạnh Lợi tha.”

**Nay giải thích:** 1) Trí vô trú trước, nghĩa là không nhiễm-không đắm vào có, phương tiện không trú vào không có; 2) Trí phân biệt pháp tướng, nghĩa là phân tích về hữu vi-vô vi sai biệt; 3) Trí xứng pháp khai diễn, nghĩa là nói khác nhau không ngăn ngại giống nhau, cho nên nói là không làm hỏng pháp giới. Ba loại trên dựa theo pháp. 4) Trí giáo hóa không mất thời cơ, đây là dựa theo căn cơ. Hợp với thù thắng sâu xa có nêu ra-giải thích, có thể biết. Giống như trong Pháp Hoa, hạt Minh châu trong búi tóc của vua, chỉ những bề tôi có công lap lớn mới được nhìn thấy... 5) Hợp với chính trực, có thể biết.

Năm: Dụ về ngọc châu quý báu làm mất dần biển rộng, dụ cho Trí của Phật diệt trừ Hoặc chướng thành tựu công đức.

Trong Dụ-Hợp đều có ba nghĩa: 1) Tổng quát nêu ra; 2) Nêu ra tên gọi; 3) Hiển bày về công năng. Như trong sách thế tục nói: “Biển rộng có loại đá Ốc Tiêu làm cạn dần nước biển.” Lại nói: “Rót vào Vĩ Lư khiến cho biển không tăng thêm.” Lại trong Tiểu thừa cho rằng địa ngục A-tỳ ở phía dưới biển rộng, hơi nóng phía trên hút lên làm cho nước biển cạn dần. Nay trong văn này là nói về cứu cánh, cho nên không giống với trước.

Bốn Trí trong Hợp, có cổ đức đem phối hợp với bốn Trí thuộc Tam-muội: Một là Trí thuộc Tam-muội Đại Thừa Quang Minh; hai là Trí thuộc Tam-muội Tập Phước Đức Vương; ba là Trí thuộc Tam-muội Hiền Hộ; bốn là Trí thuộc Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm.

**Lại Pháp sư Anh nói:** “Một là trí Thiền định loại trừ chướng bất thiện; hai là trí Phương tiện loại trừ chướng đắm vào thiền; ba là trí Như lý loại trừ phiền não chướng; bốn là trí Như lượng loại trừ sở tri chướng.”

**Nay Lại giải thích:** 1) Có thể loại trừ chướng của nghiệp nhiễm tảo mát khắp nơi; 2) Có thể loại trừ chướng của thú vị với Định đắm theo thanh tịnh; 3) Có thể loại trừ chướng của Căn bản Vô minh; 4) Trí về chướng không còn thành tựu quả. Bốn loại này đều từ thô dần dần hướng đến tế.

Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về pháp quan trọng thù thắng, có thể biết.

Sáu: Dụ về hư không hàm chứa tiếp nhận, dụ cho Trí của Phật nương tựa duy trì không có gì ngăn ngại.

Trong giải thích nói: Trí của Như Lai không nơi nào không đến được, nghĩa là bởi vì Trí của Phật có khắp ở trong tâm của tất cả chúng sinh, vì vậy chúng sinh từ chủng tánh trong tâm mình sinh ra Trí, tức là từ Trí của Phật sinh ra, trở lại an trú dựa vào Trí của Phật, mà đối với Trí của Phật không có gì chật hẹp gò bó.

Bảy: Dụ về cây thuốc chứa sinh ra và lớn lên, dụ cho Trí của Phật thuộc chủng tánh sâu rộng.

Trong Dụ có sáu: 1) Trình bày về nơi chốn và tên gọi của cây; 2) Trình bày về sinh ra từ nhân sâu xa; 3) Công năng rộng lớn của cây, bởi vì cây này có thể sinh ra tất cả các cây; 4) Giải thích hiển bày về tên gọi của cây; 5) Lựa chọn không phải nơi sinh ra; 6) Không mất đi tánh sinh ra.

Trong Hợp cũng có sáu: 1) Nêu ra Pháp giống như Dụ, cho nên nói là cũng như vậy. 2) Từ “Tùng nhất thiết...” trở xuống là hợp với sinh ra từ nhân sâu xa, nghĩa là ban đầu thì tánh trú vào tánh vốn có, ở quá khứ... là do thói quen mà thành tánh; từ “Tam thể vô lượng...” trở xuống là trình bày về đã sinh ra quả đầy đủ, trong đó có bốn câu: a) Đức bên trong tròn vẹn; b) Từ “Giai tất...” trở xuống là giáo hóa bên ngoài rộng rãi; c) Từ “Trừ diệt...” trở xuống là lợi ích không hư giả; d) Từ “Xảo phương tiện...” trở xuống là phân rõ về tướng của quả có sáu sự việc, cuối cùng nói là duy trì không có tăng giảm, nghĩa là đức của quả sinh ra đã tận cùng thời gian vị lai, ngừng sử dụng không có giảm bớt, mới khởi lên không có tăng thêm. 3) Từ “Phật tử...” trở xuống là hợp với tên gọi và giải thích tên gọi, nghĩa là đạt được quả không rời bỏ nhân, cho nên gọi là hạnh Bồ-tát không đoạn dứt. 4) Từ “Bỉ Như Lai...” trở xuống là hợp với công dụng rộng lớn, cũng có sáu sự việc: Một, Thành tựu hạnh Lợi tha, nghĩa là nhờ vào nhân địa Từ Bi của Phật làm gốc rễ, nay gốc rễ vững chắc không gián đoạn cho nên sinh ra hạnh Từ Bi của Bồ-tát. Hai, Dùng phương tiện khéo léo làm căn bản gọi là thân cây, phương tiện này có thể thúc đẩy thành tựu hạnh chuyên cần của Bồ-tát. Ba-Pháp giới thanh tịnh, giới là nghĩa về phạm vi giới hạn, nghĩa gọi là cành nhánh phát sinh, sinh ra hạnh thuộc mười Độ của Bồ-tát. Bốn, Thiên giải thoát trở thành tán lá che mát, sinh ra tán lá của hạnh như Giới... cho người khác. Năm, Hoa nở rộ trong bảy Giác, thành tựu tướng



thiện trang nghiêm cho người khác. Sáu, Lực của quả Vô thượng khiến cho đạt được quả thọ ký, cũng nhờ vào Trí của Phật làm căn bản có thể sinh ra hạnh thuộc phần vị Bồ-tát. Vì vậy Trí của Phật làm Tánh, có thể thành tựu hạnh của Bồ-tát... gọi là Khởi. 5) Hợp với hai nơi không sinh, bởi vì hai nơi ấy không có nghĩa của Khởi.

Hỏi: Dựa theo văn trên, dựa vào Trí của Phật sinh ra thiện căn của Tam thừa, đều là Tánh Khởi, vì sao trong này chọn bỏ Nhị thừa? Đáp: Trước đây dựa vào lợi ích của Tánh Khởi chứ không phải là tự Thể của Tánh Khởi, bởi vì Nhị thừa chỉ là chủ động dựa vào. Nếu như vậy thì Bồ-tát cũng là chủ động dựa vào, vì sao chọn lấy? Giải thích bởi vì Nhị thừa ấy không có Đại Bồ-đề tâm, không thuận với tánh, cho nên không gọi là Khởi; Bồ-tát không như vậy cho nên không giống nhau.

Trong này, Niết-bàn của Nhị thừa hợp với địa ngục-hố sâu, bởi vì lửa đốt-tro mất. Phạm giới... hợp với chỗ nước xoáy tròn, có bốn lỗi lầm: 1) Phạm giới dựa theo không sám hối; 2) Tà kiến dựa theo làm nhân của đoạn mất thiện căn; 3) Tham trước dựa vào không thể nào thay đổi; 4) Không phải căn khí dựa vào không có căn khí của đạo xuất thế, phiền não này cũng là nối thông kết hợp với ba loại trên. Nếu cứ dựa vào văn này mà xem, thì tựa như trước là dựa theo Định tánh Nhị thừa, sau là dựa theo Vô tánh phàm phu, vì vậy hai nơi không thể nào sinh ra. Nếu dựa vào văn sau hợp với không rời bỏ tánh sinh khởi, thì biết là không phải hoàn toàn không có, bởi vì hai phần vị này dựa theo hiện tại mà nói. Nếu dựa theo vị lai thì tất cả đều có thể sinh khởi, bởi vì ở hai nơi không sinh khởi không gọi là giảm, nơi khác có thể sinh khởi không gọi là tăng, cho nên biết chắc chắn là có.

Tám: Dụ về kiếp Hỏa đốt cháy tất cả, dụ cho Trí của Phật nhận biết không có gì không tận cùng. Trong Hợp sơ lược nêu ra bốn cảnh không có cảnh nào không nhận biết tận cùng. Trong giải thích nói không thể phá hoại, là bởi vì lực chủ động nhận biết không hề khô cạn.

Chín: Dụ về kiếp Phong duy trì và hủy hoại, dụ cho Trí của Phật khéo léo phương tiện giữ lại phiền não, nghĩa là trao cho Bồ-tát khiến giữ lại Tùy miên phiền não, đầy đủ hạnh Bồ-tát mà đến quả Phật.

Mười: Dụ về mảy trần hàm chứa quyền kinh, dụ cho Trí của Phật là tánh bao gồm bình đẳng. Trong đó có ba là Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp có hai: 1) Nêu ra, nghĩa là Trí của quả Phật và tánh Bốn giác của nhân trong chúng sinh không hề sai biệt, vì vậy ngay nơi nhân của ràng buộc vốn có pháp của quả ra khỏi ràng buộc. Bởi vì trong Viên giáo vốn là nhân quả không hai, trong Thánh giáo khác thì không

thấy nghĩa này. 2) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nhân có đủ quả: Đã nói không có thân chúng sinh nào không đầy đủ trí Như Lai, tức là biết nếu có thân nào không đầy đủ thì thân ấy không phải thuộc số chúng sinh, sao có thể còn có hữu tình vô tánh? Nếu như đều có thì tại sao không biết? Giải thích là bởi vì điên đảo. Nếu điên đảo không biết thì tại sao biết là có? Giải thích nếu như trước đây không có thì lúc lia xa điên đảo từ nơi nào mà có thể có? Đã nói lia xa điên đảo thì Trí phát khởi, biết rõ ràng không phải không có. Nhất-thiết-trí là Trí thuộc Thủ giác, Vô sư trí là Trí thuộc Bản giác, Vô ngại trí là không có hai Trí thuộc Thủ-Bổn.

Trong Dụ cũng có năm: 1) Mảy trần chứa đựng quyển kinh; 2) Thiên nhãn nhìn thấy kinh; 3) Cản trở không hề có lợi ích; 4) Dấy lên ý niệm phá bỏ mảy trần; 5) Đưa ra quyển kinh làm lợi ích.

Trong Hợp có sáu câu: 1) Trí ở trong chúng sinh hợp với trong mảy trần có kinh, tất cả mảy trần là tất cả chúng sinh, bởi vì vọng niệm không có Thể nhỏ bé như mảy trần, tánh đức tròn đầy như quyển kinh to lớn, mê vọng che phủ Chân, như mảy trần chứa đựng quyển kinh. 2) Bởi vì điên đảo cho nên không thể nào so sánh nhận biết, không thể nào chứng thực nhìn thấy, lại không tin theo giáo pháp này. 3) Phật nhãn quán sát thấy rõ. 4) Cản trở không hề có lợi ích. 5) Từ “Ngã đương...” trở xuống là khuyên dạy loại trừ vọng niệm hợp với dấy lên ý niệm phá bỏ mảy trần. 6) Từ “Như Lai tức thời...” trở xuống là như ý niệm mà thực hiện hợp với đưa ra quyển kinh làm lợi ích.

Phần ba là tổng quát kết luận, có thể biết.

Trong tụng có ba mươi bảy tụng, đầu là một tụng tổng quát về thuyết giảng trước đây, còn lại tụng về mười Dụ. Trong đó: Dụ một-hai đều có ba tụng, Dụ ba-bốn đều có bốn tụng, Dụ năm-sáu cũng đều có ba tụng, Dụ bảy có năm tụng, Dụ tám cũng có ba tụng, Dụ chín-mười đều có bốn tụng, cho nên ba mươi sáu tụng như thứ tự tụng về mười dụ. Giải đáp về Ý Nghiệp, xong.

**Thứ năm:** Trình bày về Tánh Khởi thuộc Cảnh Giới, trước đã có Đại Trí chủ động nhận biết, nay trình bày về cảnh đã nhận biết. Trong đó: Trước là nêu ra hỏi, sau là hiển bày giải thích.

Hiển bày giải thích cũng có ba: 1) Nêu ra chư động nhận biết; 2) Hiển bày về đã nhận biết; 3) Tổng quát kết luận về nhận biết ấy.

Trong phần một: Nếu không dựa theo Trí vô lượng vô biên này thì không biết từ đâu có thể thuyết giảng về cảnh giới rộng lớn?

Trong phần hai là phân rõ về đã nhận biết, có hai: Một, Ngay nơi

Tương trình bày về rộng rãi; Hai, Dựa theo Trí phân rõ về rộng rãi.

Trong phần một cũng có hai: a) Phân rõ nêu ra mười cảnh; b) Hiển bày về cảnh rộng lớn ấy.

Trong phần a có năm nghĩa: Một, Dựa theo cảnh thuộc hai Đế, năm loại trước dựa theo cảnh của Lượng trí thuộc Tục đế, năm loại sau dựa theo cảnh của Lý trí thuộc Chân đế. Nói không phải cảnh giới, là bởi vì cảnh giới không phải mà vốn là cảnh do Thức biến hiện. Hai, Dựa theo cảnh thuộc ba Tánh, năm loại đầu là Y tha tánh, bốn loại tiếp là Viên thành thật, một loại sau là Biến kế sở chấp. Ba, Dựa theo cảnh thuộc năm Hải: Một loại đầu là Chúng sinh hải, hai loại tiếp và loại thứ chín là Thế giới hải, hai loại tiếp là Căn-Dục tánh hải, ba loại tiếp là Pháp giới hải, một loại sau là Phật hải, nghĩa là Trí của Phật vốn không phải là cảnh. Bốn, Dựa theo mười loại cảnh Phật thâm nhiếp lẫn nhau ở phẩm Minh Nạn trước đây, có thể biết. Năm, Trong giải thích văn: 1) Đã giáo hóa. 2) Thời gian đã dựa vào để giáo hóa, là ba đời kiếp... 3) Nơi chốn đã giáo hóa. 4) Pháp đã sử dụng để giáo hóa. 5) Hạnh đã thành tựu do giáo hóa. 6) Thể của pháp giới không hủy hoại. 7) Dụng của pháp giới không ngăn ngại. 8) Thể và Dụng đều chân thật. Lại giải thích ba loại này: Đầu là Thể Đại của Chân Như, tiếp là Tướng Đại có đủ hằng sa công đức gọi là Pháp giới, lần lượt không trở ngại nhau gọi là Vô ngại, sau là Thể-Tướng không hai gọi là Thật tế. Lại giải thích ba loại này như thứ tự tức ba Chân Như thuộc về Vô tánh. 9) Hư không là cảnh thuộc Sự vô vi. 10) Cảnh và Trí không hai gọi là không phải cảnh giới, bởi vì Cảnh không khác với Trí gọi là không phải Cảnh, tức là lấy không phải cảnh này làm cảnh của Như Lai.

Phần b từ “Phật tử...” trở xuống là hiển bày về cảnh rộng lớn, có thể biết.

Trong phần hai là dựa theo Trí hiển bày về rộng rãi có ba: Trước là Pháp, tiếp là Dụ, sau là Hợp.

Trong Pháp: Bởi vì ngay nơi tướng khó rõ ràng, cho nên dựa theo Trí hải để hiển bày về cảnh sâu rộng, nhưng Trí chắc chắn dựa vào tâm, cho nên nói là cảnh giới thuộc tâm. Sợ rằng mê mờ sự việc này, cho nên giải thích là tùy theo tâm vô lượng, sinh ra Trí cũng như vậy. Đây là giống như tâm ý thứ nhất ở môn trước không phải tức là Như Lai... Lại giải thích: Cảnh thuộc Trí của Như Lai đều là sự việc trong Trí hải của Như Lai, vì vậy văn sau mở rộng nói đến Trí hải, tức là giải thích về cảnh giới. Lại giải thích cảnh giới có hai nghĩa.

Trên đây là mười loại dựa theo Sở duyên để trình bày về cảnh,

dưới đây là dựa theo phạm vi giới hạn để trình bày về cảnh, tức là dùng Đại hải Trí tuệ của Như Lai làm phạm vi giới hạn của cảnh.

Trong Dụ có ba: Một, Dụ về tâm của Long Vương tuôn mưa, dụ cho Trí của Phật dựa vào tâm không có nguồn gốc. Hai, Dụ về biển thuận theo nguyện của Long Vương, dụ cho Trí của Phật do tâm nguyện mà phát khởi. Ba, Dụ về nước biển rộng lớn sâu thẳm, dụ cho Trí của Phật sâu rộng không có bến bờ. Trong Dụ này: Trước là trình bày về nước biển sâu rộng, một là nhiều nước sông của bốn châu, hai là nhiều nước mưa của Long Vương, ba là nhiều nước hồ của Long Vương. Sau là kết luận về bốn loại vô lượng.

Sau từ “Phật tử như thi...” trở xuống là trong Pháp-Hợp cũng có hai: Trước là hợp với biển sâu rộng, nghĩa là hiển bày về Pháp vượt qua Dụ không phải ở đây mà so sánh được tức là kết hợp. Sau là trong hợp với biển rộng có bốn loại vô lượng: Một, Phát tâm... là hợp với vô lượng nước trong biển; Hai, Đạo phẩm... là hợp với vô lượng vật báu như Ma-ni... trong biển; Ba, Vô lượng chúng sinh... là hợp với vô lượng chúng sinh trong biển; Bốn, Mặt đất... là hợp với trong biển có vô lượng mặt đất.

Trong phần ba từ “Phật tử thị vi...” trở xuống là tổng quát kết luận, có thể biết.

Trong tụng có mười kệ: Đầu là hai tụng về Pháp thuyết; tiếp lần bốn tụng về hai Dụ đầu; sau là bốn tụng về Dụ thứ ba, có thể biết. Giải đáp về Cảnh Giới, xong.

**Thứ sáu:** Tánh Khởi thuộc Hạnh, trước đây trình bày về Trí đã dựa vào Cảnh, nay phân rõ về Hạnh dựa vào Cảnh mà thành tựu, cho nên tiếp theo trình bày.

Ngay trong phân rõ giải thích, trong Trường hàng có ba: Nêu ra giải thích và kết luận.

Trong phần một là nêu ra hai hạnh, Cổ nhân giải thích: “1) Vô ngại hạnh là trình bày về hạnh thuộc Tục đế; 2) Như Như hạnh là trình bày về hạnh thuộc Chân đế.” Nay Lại giải thích: Một là hiểu rõ Sự giống như Lý, Lý không ngăn ngại Sự, là hạnh Vô ngại; hai là Sự hết thì Lý hiện rõ, gọi là hạnh Như Như. Lại giải thích: Một là Lượng trí, Dụng vô ngại đối với Sự bên ngoài; hai là Lý trí bên trong chứng Như Như.

Hai từ “Như Như quá khứ...” trở xuống trong phần giải thích có năm dụ: 1) Dụ về Chân không có thay đổi, dụ cho hạnh của Phật đến tận cùng ba thời gian, tức là giải thích về hạnh Như Như. Bốn Dụ sau là giải thích về hạnh Vô ngại. 2) Dụ về pháp giới này không có hình

tướng, dụ cho hạnh của Phật là Thế không có giới hạn ngăn ngại. 3) Dụ về chim bay lượn giữa trời, dụ cho hạnh của Phật tròn vẹn không có phạm vi giới hạn. 4) Dụ về chim cánh vàng(kim sí điểu) bắt lấy cá giữa biển, dụ cho hạnh của Phật cứu giúp chúng sinh với Dụng thù thắng. 5) Dụ về mặt trời mặt trăng đi qua bầu trời, dụ cho hạnh của Phật không có dụng công mà thành tựu việc làm, đều lấy sau để giải thích trước, có thể biết.

Phần ba là văn kết luận, có thể biết.

Trong tụng có mười kệ tụng về năm Dụ, đều có hai tụng tụng về một Dụ, có thể biết. Giải đáp về Hạnh, xong.

**Thứ bảy:** Trình bày về Tánh Khởi thuộc Bồ-đề, trước đã hướng về duyên tạo tác, nhất định phải có thị hiện Bồ-đề, cho nên tiếp theo trình bày.

Trong đó sơ lược đưa ra năm môn:

Một: Giải thích tên gọi: Bồ-đề, Trung Hoa nói là Giác, nghĩa là Đại Trí mở thông giác ngộ, cho nên lấy làm tên gọi; xưa nói là Đạo thì không đúng.

Hai: Thế tánh, Nhiếp Luận nói hai Trí-hai Đoạn là Thế của Bồ-đề; nếu dựa vào kinh này thì bao gồm tất cả các pháp, như văn nhận biết.

Ba: Chủng loại có năm: 1) Có hai Bồ-đề, đó là Tánh tịnh Bồ-đề và Tu thành Bồ-đề; trích trong kinh Đại Phẩm. 2) Có ba Bồ-đề, một là Bồ-đề của Thanh văn, hai là Bồ-đề của Duyên giác, ba là Bồ-đề của chư Phật; trích trong luận Thập Địa. 3) Có năm Bồ-đề, một là Phát tâm Bồ-đề, hai là Phục tâm Bồ-đề, ba là Minh tâm Bồ-đề, bốn là Xuất đạo Bồ-đề, năm là Vô thượng Bồ-đề; cũng trích trong kinh Đại Phẩm. Giải thích rằng: Trong năm loại, một là bắt đầu phần vị Thập Trú, hai là phần vị Tam Hiền, ba là Kiến đạo thuộc Địa thứ nhất, bốn là Tu đạo đầy đủ, năm là đạo cứu cánh thuộc quả Phật. 4) Có mười Bồ-đề như phẩm Ly Thế Gian trình bày. 5) Bao gồm tất cả các pháp, kinh nói tất cả các pháp tức là Bồ-đề... Giải thích rằng: Ba Bồ-đề là dựa theo Sơ giáo, hai Bồ-đề và năm Bồ-đề là dựa theo Chung giáo, tất cả các pháp là dựa vào Đốn giáo, mười loại là dựa vào Viên giáo, bao gồm thì có thể biết.

Bốn: Nghiệp dụng: Nghĩa là duyên hai Đế-đoạn hai Chương, chứng hai Không-khởi hai Trí, hợp với mọi căn cơ-hiện rõ mọi cảnh tượng, có đủ mười thân-khắp nơi mười phương, tất cả ở đâu mảy lông-nơi một mảy trần... nghiệp dụng vô biên bao gồm nhân và quả, đầy đủ như trong văn này.

Năm: Giải thích văn: Ngay trong Trường hàng, trong phân rõ giải thích, giải thích về nghĩa Bồ-đề tóm lược có mười môn: 1) Trình bày Thể tánh; 2) Hiện bày Nghiệp dụng; 3) Phân rõ rất sâu xa; 4) Hiện bày rộng lớn; 5) Hiện rõ nhân quả; 6) Lìa xa đủ thiếu; 7) Không có tăng giảm; 8) Dựa vào Định khởi lên; 9) Rộng khắp pháp giới; 10) Khắp nơi trong tâm.

1) Trình bày Thể tánh cũng dùng mười môn để trình bày về Thể tánh của Bồ-đề: Một, Giác ngộ hiểu rõ làm tánh, nói tất cả các nghĩa là nghĩa về cảnh Chân-Tục; Hai, Đoạn chướng làm tánh, diệt trừ nghi hoặc là đoạn trừ hai chướng; Ba-Chứng lý làm tánh, nghĩa là chứng lìa xa chủ động và thụ động, cho nên nói là không hai...; Bốn, Riêng biệt nêu ra lìa xa tướng đã giữ lấy, cho nên nói là không có tướng; Năm, Lìa xa Kiến chủ động giữ lấy, cho nên nói là không có hành; Sáu, Khiến cho Tướng và Kiến này vĩnh viễn không trở lại phát khởi, cho nên nói là không lui sụt. Lại giải thích: Bốn, Ngay nơi Thể lìa xa Tướng; Năm, Tánh không thay đổi; Sáu, Tùy theo lưu chuyển không thay đổi; Bảy, Đầy đủ nhiều công đức, cho nên nói là vô lượng; Tám, Tận cùng vị lai, cho nên nói là vô biên; Chín, Tánh thanh tịnh làm tánh, nghĩa là ở trong ràng buộc mà không có ràng buộc, ra khỏi chướng ngại mà không có cỗi bỏ; Mười, Trung đạo làm tánh, cho nên nói là lìa xa Nhị biên. Trên đây cũng là Nội chứng bình đẳng.

2) Từ “Tri xứ phi xứ...” trở xuống là trình bày về môn Nghiệp dụng, nghĩa là tùy theo duyên bên ngoài soi chiếu mà thành tựu nghiệp dụng, trong đó có ba, đó là Pháp-Dụ và Hợp.

Một là trong Pháp cũng có mười môn: Một, Nhận biết về xứ-phi xứ tức là Lực thứ nhất trong Thập Lực; hai, Nhận biết về chữ; ba, Ngữ; bốn, Tha tâm; năm, Căn; sáu, Tập khí phiền não; Bảy, Tánh; tám, Túc mạng nhận biết quá khứ; chín, Thiên nhãn nhìn thấy vị lai; mười, Lộ tận nhận biết hiện tại, đây là ba đời cùng một niệm nhận biết. Mười cảnh đã nhận biết này hiện rõ trong trí Bồ-đề, cho nên nói là nhận biết, không phải nói là có chủ động-thụ động...

Hai là trong Dụ trình bày Dụ về Đại hải phù hợp hiện rõ, dụ cho Bồ-đề này hiện rõ cơ soi chiếu rõ ràng về đức.

Ba là trong Hợp, tâm niệm các căn... là tóm lược nêu ra mười cảnh trước đây; nhưng mà không có gì hiện rõ, là cùng với chủ động hiện rõ không sai khác, bởi vì ngay nơi tự Thể hiển bày soi chiếu, cho nên gọi là Giác. Luận Khởi Tín nói: “Chư Phật Như Lai lìa xa Kiến và Tướng, không có nơi nào không rộng khắp, tâm chân thật vốn chính là tánh của

các pháp, tự Thể hiển bày soi chiếu tất cả pháp hư vọng, có Dụng của Đại Trí cho đến gọi là Nhất-thiết-chủng-trí.” Giải thích rằng: Đây tức là cảnh không nghĩ bàn hiển bày soi chiếu cùng với Thể, gọi là nghiệp dụng của Bồ-đề, không giống như phần vị khác có chủ động-thụ động giữ lấy.

3) Từ “Phật tử nhất thiết...” trở xuống là trình bày về môn rất sâu xa, có bốn nghĩa: Một, Lìa xa tên gọi cho nên sâu xa; Hai, Bặt dứt ngôn ngữ cho nên sâu xa; Ba, Không có ví dụ cho nên sâu xa; Bốn, Không chìm vào vắng lặng cho nên sâu xa. Vì thế cho nên nói là nhưng tùy theo... Lại giải thích: Đây là giải thích chỗ khó hiểu, nghĩa là đã không phải ngôn ngữ-ví dụ mà đạt tới, vì sao trên dưới đều dùng ngôn ngữ-ví dụ để nói? Giải thích hiển bày như văn, tức là nói mà không nói, không phải ví dụ làm dụ, có thể biết.

4) Từ “Phật tử Như Lai...” trở xuống là hiển bày về môn rộng lớn, trong đó có ba: Một-Nêu ra thân rộng lớn; hai-Tương tự hiển bày về ngữ-ý; ba-Tổng quát kết luận về nhiều môn.

Trong phần một: Nói lúc thành tựu Bồ-đề trú vào phương tiện của Phật, là trình bày về Bồ-đề này do phương tiện đối với căn cơ mà nói có thành tựu. Đây là số tăng về mười thân cho nên có mười ba loại thân vậy thôi: 1) Cùng là thân của chúng sinh thế gian, nghĩa là đạt được thân có thể giống như thân của tất cả chúng sinh, Đẳng là giống như Đồng. Lại giải thích: Đẳng là giống như Biến, tức là khắp nơi dùng tất cả chúng sinh mà làm thân của mình; sau đều có hai cách giải thích dựa theo đây. 2) Cùng là thân của tất cả nhiễm-tịnh, cũng ngay nơi ấy có thể biết. 3) Cùng là thân quốc độ của Khí thế gian, cũng ngay nơi ấy lấy quốc độ làm thân. 4) Cùng là thân của tất cả chín đời-mười đời-các kiếp, cũng ngay nơi ấy lấy đó làm thân. 5) Cùng là thân Chứng đạo của tất cả chư Phật. 6) Cùng là thân Trí giác của tất cả chư Phật, cũng là Như đạo bình đẳng trước đây, đây là Giác đạo bình đẳng. Hai thân trên đây là thân Trí chánh giác thế gian. 7) Dùng ngôn giáo có thể giải thích ấy làm thân, tức là như thân Danh ngôn thuyết pháp trong luận. 8) Dùng pháp giới đã giải thích làm thân. 9) Cùng là thân của Đại hư Vô vi. 10) Cùng là thân của pháp giới Nhân-đà-la vãng, cùng trải qua hòa vào nhau, cho nên nói là Vô ngại. 11) Dụng của thân không nơi nào không khởi lên, cho nên nói là sinh ra. 12) Đức của thân không có gì không đầy đủ, cho nên nói là tất cả các hạnh. 13) Thể của thân không có gì không vắng lặng, cho nên nói là Niết-bàn. Lại mười ba thân này thấu nhiếp làm thành sáu cặp: Đầu là một cặp về hai loại Nhân-Pháp; tiếp là

một cặp về hai loại Thời-Xứ; tiếp là một cặp về hai loại Cảnh-Trí; tiếp là một cặp về hai loại Giáo-Nghĩa; tiếp là một cặp về hai loại Lý-Sự, hư không là Sự; tiếp là một cặp về hai loại Nhân-Qủa, Hành là Nhân; sau cùng một loại là tổng quát kết luận về bình đẳng.

Trong phần hai là tương tự hiển bày, dựa vào thân phân rõ về ngữ-ý, ngữ-ý cũng có mười ba loại, giống như thân có thể biết.

Trong phần ba là tổng quát kết luận, mỗi một loại thân đều giống như pháp giới, cho nên đều nói là Vô lượng.

5) Từ “Phật tử Như Lai thân trung...” trở xuống là trình bày về môn hiện rõ nhân quả, trong đó có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

Trong phần một là nêu ra: Bởi vì chúng sinh cùng là thân Bồ-đề, cho nên chúng sinh đều hiện rõ ở trong đó; bởi vì thụ động hiện rõ ấy giống như chủ động hiện rõ, cho nên chúng sinh không có loại nào không thành Phật. Văn này là mục lớn, mong rằng không coi thường.

Hỏi: Trong này thụ động hiện rõ chúng sinh thành Phật là dựa theo Sự, hay là dựa theo Lý? Nếu là dựa theo Sự thì tại sao ở sau giải thích đều là một tánh, bởi vì không có tánh...? Nếu dựa theo Lý thì tại sao trong nêu ra lại nói có phát tâm tu hành...?

Đáp: Đây là nghĩa trong Biệt giáo, nếu không dựa theo các Tông phân biệt thì không biết từ đâu có thể hiểu được. Vì sao như vậy? Bởi vì các chúng sinh, nếu nhìn ở phần vị trời-người, thì đầy đủ pháp thật của hai Ngã thuộc Nhân-Pháp. Nếu xem trong giáo Tiểu thừa, thì chúng sinh này chỉ là pháp thật của một tập hợp năm Uẩn, xưa nay không có người. Nếu trong Sơ giáo thuộc Đại thừa, thì chỉ do Thức mà hiện bày, như huyền tựa như có, ngay nơi tướng thì trống rỗng chứ không có người-không có pháp. Nếu dựa theo Chung giáo thì đều là duyên khởi của Như Lai Tạng, toàn Thể tức là Như, có đủ hằng sa công đức, vốn chính là chúng sinh. Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Chúng sinh tức là Pháp thân, Pháp thân tức là chúng sinh, chúng sinh và Pháp thân thì nghĩa như nhau mà tên gọi khác nhau.” Giải thích rằng: Tông này dựa theo Lý chúng sinh tức là Phật. Nếu dựa theo Đốn giáo, thì tướng chúng sinh xưa nay không còn, lý tánh xưa nay hiển bày, thẳng thắn tự lộ ra, lại không có gì chờ đợi, cho nên không thể nói tức là Phật hay không tức là Phật..., như ý của Tịnh Danh ngâm miệng im lặng... Nếu như Viên giáo thì tất cả chúng sinh, thủy đều từ xưa đến nay phát tâm cũng cuối cùng, tu hành cũng cuối cùng, thành Phật cũng cuối cùng, lại không có gì mới thành tựu, đầy đủ Lý-Sự, như văn kinh này.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao hiện có chúng sinh không tức là



Phật?

Đáp: Nay ông ngay trong phần vị trời-người bắt đầu quán sát về chúng sinh ấy, ngay nơi tướng đã trống rỗng hãy còn không có được, huống là có thể nhìn thấy sự việc trong Viên giáo hay sao? Vì vậy ông thấy hiện có chúng sinh. Tôi không dựa theo điều ấy mà nói về sự thành Phật này, chỉ khiến cho tình kiến dường như phá tan, pháp giới tròn vẹn hiện rõ tất cả chúng sinh không có loại nào không thành Phật.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao chư Phật lại giáo hóa chúng sinh?

Đáp: Giáo hóa chúng sinh cũng có cạn-sâu, nay ngay trong thân Bồ-đề này hiện rõ chúng sinh thành Phật, gọi là giáo hóa đến cuối cùng, vốn không giống như những Tông khác.

Sau trong kết luận gọi là Như Lai Đại Bi độ thoát chúng sinh không có cuối cùng.

Hỏi: Toàn bộ đã thành Phật, tại sao cũng có phát tâm...?

Đáp: Nếu trong môn thành Phật thì cuối cùng thành tựu, nếu trong môn tu hành thì cuối cùng tu hành, nếu trong môn phát tâm thì cuối cùng phát tâm, nếu lìa xa những môn này thì cuối cùng tức là trống rỗng, không hề có gì, dựa theo môn Đại duyên khởi để suy nghĩ. Nói cho đến Niết-bàn, là ở trong tám tướng, vốn nêu ra từ đầu cho đến cuối.

Trong phần hai từ “Giai tất...” trở xuống là giải thích về thành tựu: Vì sao hiện rõ? Bởi vì cùng một Chân tánh, cho nên hiện rõ như vậy. Vì sao chúng sinh cùng là tánh Bồ-đề? Sơ lược dùng mười nhân để giải thích về thành tựu nghĩa này: 1) Bởi vì chúng sinh dựa vào Bồ-đề vốn không có tự tánh, cho nên thành tựu Chánh Giác... giống như Bồ-đề. 2) Bởi vì không có tướng tự nhiễm ô. 3) Bởi vì không có gì tận cùng. 4) Bởi vì xưa nay không sinh. 5) Bởi vì cũng không có mới diệt. Bốn loại trên đây cùng làm một câu. 6) Bởi vì tánh của Ngã tự nhiên trống rỗng. 7) Bởi vì nhiều duyên sinh ra cho nên không phải là sinh. 8) Giả sử khởi lên Trí giác ngộ mà không có gì giác ngộ. 9) Đã dựa vào pháp giới vốn cũng không có tánh. 10) Tánh vốn có của pháp giới hư không vốn không có Thể tánh.

Trong phần ba từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận: Vô tận trí là bởi vì Dụng soi chiếu không có giới hạn; Tự nhiên trí là bởi vì không cần đến công dụng; Đại Bi không có cuối cùng là bởi vì đồng Thể nhiếp hóa.

Hỏi: Dựa theo giải thích kết luận này, tựa như dựa theo lý tánh mà nói chúng sinh thành Phật, vì sao trong phần nêu ra, có nhân của năm phần vị như phát tâm..., quả của tám tướng như thành Phật...?

Đáp: Đây là dùng môn pháp tánh dung thông để giải thích, nghĩa là Sự tùy theo Lý bởi vì dung thông, cho nên có thể ngay trong nhau hòa vào nhau. Lại trong giáo khác, quán sát về Vô sinh chỉ soi chiếu lý tánh; trong Viên giáo này đầy đủ tất cả các pháp Bồ-đề của Phật, dựa vào Tông suy nghĩ điều này.

6) Từ “Phật tử thí như...” trở xuống là môn Thể lìa xa đủ thiếu, trong đó có hai, đó là Dụ và Hợp. Đầu là Dụ về tánh thường còn của hư không, dụ cho đức của tánh Bồ-đề không có tăng-giảm, bởi vì Thể thường đầy đủ, thành tựu mà không có gì không thành tựu, vốn là tánh không hai.

7) Từ “Phật tử thiết hữu...” trở xuống là trình bày về môn Dụng không có tăng giảm, trong đó có ba, đó là Dụ-Hợp và Kết luận.

Đầu là Dụ về hóa hiện không có hình tướng, dụ cho đức của Bồ-đề thành tựu không bình đẳng. Trong Dụ: Ban đầu hóa nhiều tâm là dụ cho tất cả đều tu nhiều nhân; tâm hóa Như Lai là dụ cho thành tựu nhiều quả. Bởi vì nhân quả này đều không có sắc tướng, cho nên hóa và không hóa đều không có gì khác nhau. Hợp và kết luận, có thể biết.

8) Từ “Phật tử Như Lai ứng cúng...” trở xuống là trình bày về môn dựa vào Định khởi Dụng, trong đó có ba: Một, Đưa ra một môn Định, nghĩa là thuận theo lý khuyển nhủ căn cơ gọi là khéo léo giác ngộ, dựa vào môn Định này sinh ra thân Bồ-đề như số chúng sinh. Hai, Tương tự hiển bày, như một Định đã như vậy, mỗi một Định khác đều sinh ra thân với số như vậy; như nhiều Tam-muội đã đều như vậy, mỗi một pháp môn khác cũng đều như vậy, nghĩa là tất cả pháp môn như Đại Bi-Đại Trí-Đại tổng trì..., đều sinh ra như vậy, thì biết thân Bồ-đề vô tận-vô tận không thể gọi tên ra được. Ba, Kết luận có thể biết.

9) Từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là trình bày về môn rộng khắp pháp giới, trong đó có ba: Một, Trong nêu ra cũng có ba: a) Một mao đạo, nghĩa là ở nơi một mảy lông chứa đựng bầu trời gọi là Mao đạo, tức là ở nơi này thấy thân Bồ-đề như số chúng sinh trong môn trước, không có gì không trọn vẹn đầy đủ; b) Tương tự hiển bày tất cả Mao đạo, mỗi một Mao đạo đều như vậy; c) Tương tự hiển bày tất cả pháp giới, mọi nơi đều trùng trùng khắp nơi. Hai, Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích thành tựu về nghĩa của rộng khắp. Ba, Từ “Như Lai...” trở xuống kết luận là pháp thuộc về người, nghĩa là lúc Phật Lô-xá-na này thành tựu Bồ-đề ở dưới tán cây Bồ-đề, hoàn toàn đầy đủ những loại như vậy, Bồ-đề trùng trùng rộng khắp pháp giới, vì thế cho nên thân Phật không thể nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn. Đây tức là khắp cả loài Phi

tình ở tất cả mọi nơi.

10) Từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là trình bày về môn rộng khắp trong tâm, trong đó có hai: Một, Nêu ra tự mình; Hai, Ví dụ nơi khác.

Trong phần một là tự mình: a) Nêu ra, đây là trình bày về quả đức của Phật Địa, Bồ-đề có khắp ở trong thân-tâm của Bồ-tát và các chúng sinh, không phải là Bồ-tát có tánh thuộc nhân của Bồ-đề, bởi vì trong văn chính thức phân rõ về Bồ-đề của Phật. b) Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về thành tựu, bởi vì tâm của Bồ-tát đã không có tự tánh, pháp không có tự tánh tức là Bồ-đề của Phật, cho nên nói là không lìa xa. Nếu như vậy thì lý không có tự tánh tức là Bồ-đề thuộc tánh thanh tịnh, đâu cần phải là pháp ở quả vị của Phật? Giải thích: Bởi vì trong Đại Trí của quả Phật, hợp với chân nguyên dung hòa cùng chung một tánh, vì thế cho nên như lý rộng khắp trong tâm chúng sinh, tánh Bồ-đề trong tâm chúng sinh đã không có gì sai biệt với pháp của quả, thì trong thân chúng sinh có Bồ-đề thuộc quả đức, không phải chỉ là tánh thuộc nhân. Điều này ở trong các giáo cũng không giống nhau. Nếu như Tông chỉ của Tiểu thừa thì toàn bộ không phân rõ về Phật tánh. Nếu như Tông chỉ của Tam thừa thì trong tất cả phần vị của chúng sinh chỉ có tánh thuộc nhân, như kinh Niết Bàn nói: “Phật tánh là nhân mà không phải là quả.” Nếu như Tông chỉ của Nhất thừa thì cũng đầy đủ pháp của quả, như văn kinh này.

Hỏi: Tâm Bồ-tát này không lìa xa Bồ-đề của Như Lai, thì tựa như là phát tâm Bồ-đề duyên với Bồ-đề làm cảnh cho nên nói là không lìa xa, đâu cần phải chính là tự Thể của tâm?

Đáp: Nếu như vậy thì chúng sinh đã chưa phát tâm, không duyên với Bồ-đề làm cảnh, không cần phải ví dụ quán sát thân ấy cũng có Bồ-đề, bởi vì không dựa theo sở duyên.

Trong phần hai là ví dụ nơi khác: a) Ví dụ. b) Từ “Vô lượng...” trở xuống là kết luận về đức. Không có nơi nào không có là trình bày về rộng khắp; không thể hủy hoại là tuy khắp nơi nhiễm ô mà không bị Hoặc nghiệp làm cho hủy hoại, cũng không bị đạo đối trị làm cho phá hỏng; không thể nghĩ bàn là giống với nhiễm mà không phải hủy hoại, chính là không nghĩ bàn; giống như nhân mà chính là quả, cũng không thể nghĩ bàn.

Phần ba là trong kết luận: Môn phương tiện là kết luận về mười môn trước đây, thấy biết Bồ-đề đều là nghĩa của phương tiện khéo léo.

Trong tụng có mười hai kệ: Đầu là hai kệ tụng về môn Thể tánh thứ nhất trước đây; tiếp là hai kệ tụng về môn Nghiệp dụng thứ hai; tiếp là hai kệ tụng về môn Thể lìa xa đủ thiếu thứ sáu; tiếp là hai kệ tụng về môn Dụng không có tăng giảm thứ bảy; tiếp là hai kệ tụng về môn dựa vào Định khởi Dụng thứ tám; sau cuối là hai kệ tụng về môn Hiện nhân quả thứ năm, và tụng về Pháp thuyết trong Nghiệp dụng của môn thứ nhất. Những môn còn lại lược qua không có tụng. Giải đáp về Bồ-đề môn, xong.

**Thứ tám:** Trình bày về Tánh Khởi thuộc Chuyển Pháp Luân, nghĩa là trước đạt được Bồ-đề, tiếp đến Chuyển pháp luân, lấy làm thứ tự.

Trong Trường hàng có ba: Nêu ra môn-phân rõ giải thích và kết luận nhận biết.

Trong giải thích có bảy môn phân biệt về nghĩa của Chuyển pháp luân: Một, Thể tướng; Hai, Sâu rộng; Ba, Vô tận; Bốn, Vô trú; Năm, Phạm vi giới hạn; Sáu, Sinh ra; Bảy, Nhận biết lợi ích.

Trong môn một sơ lược dùng mười nghĩa để trình bày về Thể tướng ấy: 1) Tất cả các Nguyên là chỗ dựa của Pháp luân. 2) Tất cả các Pháp là pháp đã chuyển. 3) Chuyển mà không có gì chuyển là hiểu rõ Tướng trình bày về Thể. 4) Vốn không có gì khởi là xứng với Tánh phân rõ về Thể. 5) Ba lần chuyển viên mãn là Đức tướng viên mãn, nghĩa là nêu rõ Tướng-khuyến khích nhận biết-dẫn đến chứng được là ba. 6) Thấy đều thanh tịnh vốn là Phạm luân, vốn là tánh thanh tịnh; kinh nói: “Ba lần chuyển Pháp luân ở Đại thiên, Luân ấy xưa nay thường thanh tịnh.” Chính là nói đến nghĩa này. 7) Đều có thể..., vốn là lìa xa chướng ngại, vốn là phá bỏ kiến chấp, vốn là nghiệp dụng. 8) Lìa xa dục..., vốn là lìa xa mà không có gì lìa xa. 9) Tất cả các pháp..., vốn là lìa xa ngôn ngữ. 10) Tất cả các pháp... vốn là lìa xa tướng. Chữ Cố trong môn thứ mười này, bao gồm chín nghĩa trên, mỗi một môn đều có chuẩn mực.

Hai từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về môn Sâu rộng, trong đó có bốn nghĩa, đều có nêu ra và giải thích: Một nghĩa đầu là rộng, một nghĩa tiếp là sâu, hai nghĩa sau là vừa sâu vừa rộng.

Trong nghĩa một: Trước là nêu ra rộng lớn; sau từ “Như Lai...” trở xuống là đưa ra nhân để giải thích thành tựu về âm thanh của Phật Như Lai, đối với văn tự-ngữ ngôn của tất cả thế gian, không có gì không đạt đến, cho nên đều là chuyển Pháp luân.

Trong nghĩa hai: Trước là nêu ra Thật tánh vốn rất sâu xa, là giải thích thành tựu về nghĩa của sâu xa.

Trong nghĩa ba: Trước là nêu ra sâu rộng, Phật chuyển Pháp luân vốn không có chủ là giải thích về thành tựu, bởi vì đều từ duyên mà thành tựu chứ không có tự Thể, cùng là một tánh, đều là Pháp luân.

Trong nghĩa bốn: Trước là nêu ra, không có lưu chuyển cho nên sâu xa, không có tận cùng cho nên rộng lớn, trong-ngoài không hề có là giải thích về thành tựu.

Ba từ “Phật tử thí như văn tự...” trở xuống là trình bày về môn Vô tận, trong đó: Trước là Dụ về văn tự vô tận; sau là Hợp với Pháp luân vô tận có thể biết.

Bốn từ “Như Lai pháp luân tất nhập...” trở xuống là trình bày về môn Vô trú, trong đó có ba là Pháp-Dụ và Hợp. Dụ về Tự mẫu vô trú, dụ cho đức tiến vào duyên vô trú, trong đó tất cả các nơi là tổng quát, riêng biệt đưa ra năm Xứ, có thể biết.

Năm từ “Nhất thiết chúng sinh chư ngữ...” trở xuống là trình bày về môn Phạm vi giới hạn, trong đó có hai: Trước là nêu ra, sau là giải thích. Nếu như Tiểu thừa thì một Thuyết-năm Âm là Thanh của Pháp luân. Ngoài ra hỏi A-nan trời mưa... đều không phải là Pháp luân thâm nhiếp. Nếu trong Tam thừa thì tất cả âm thanh... của Phật đều là Pháp luân, ngoài ra thì đều không phải. Nếu như Nhất thừa thì ngôn ngữ-âm thanh... của tất cả chúng sinh cũng đưa vào Pháp luân, bởi vì dựa theo Dụng thì đều có thể trở thành Pháp luân.

Sáu từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là trình bày về môn Sinh ra, trong đó có bốn: 1) Nêu ra môn; 2) Từ “Hà đẳng...” trở xuống là nêu ra phát khởi; 3) Từ “Như Lai...” trở xuống là tổng quát nêu ra; 4) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là riêng biệt giải thích.

Trong riêng biệt giải thích: Một, Bao gồm phân rõ, nghĩa là muốn chuyển Pháp luân thì phải tiến vào Tam-muội này, vốn là môn làm chỗ dựa; Vô ngại là biện tài; Vô úy là nói ra không sợ hãi. Hai, Từ “Như Lai nhập thử...” trở xuống là chính thức hiển bày phát sinh nhiều âm thanh.

Trong giải thích về thành tựu tổng quát: Tâm niệm của chúng sinh... là âm thanh; đều khiến cho chúng sinh... là xứng với căn cơ trao cho pháp mà khiến cho vui mừng.

Bảy từ “Phật tử nhược như thị...” trở xuống là hiển bày về nhận biết lợi ích của pháp, trình bày như trên mà nhận biết thuận với Đại Bồ-đề, không như vậy thì không phải.

Phần ba là văn kết luận, có thể biết.

Trong tụng có mười kệ: Một kệ đầu tụng về môn Thể tướng thứ nhất; một kệ tiếp tụng về môn Vô tận thứ ba; hai kệ rưỡi tiếp tụng về

môn Vô trú thứ tư; ba kệ rưỡi tiếp tụng về môn Sinh ra thứ sáu; hai kệ cuối cùng tụng về môn Sâu rộng thứ hai; môn thứ năm-thứ bảy lược qua không có tụng. Giải đáp về Chuyển Pháp Luân, xong.

**Thứ chín:** Trình bày về Tánh Khởi thuộc Niết-bàn, nghĩa là Chuyển Pháp Luân đã xong, tiếp theo phân rõ về Niết-bàn, lấy làm thứ tự.

Nghĩa về Niết-bàn sơ lược đưa ra năm môn: Một, Giải thích tên gọi; Hai, Thể tánh; Ba, Chủng loại; Bốn, Nghiệp dụng; Năm, Giải thích văn. Bốn môn trước nói như riêng biệt.

Trong giải thích văn: Trong phần Trường hàng, trong giải thích phân dài có tám môn, giải thích về Đại Niết-bàn: 1) Thể thật chân thường; 2) Chọn lấy khác với khô đoạn; 3) Không ngăn ngại ẩn hiện; 4) Tùy theo căn khí đủ thiếu; 5) Khởi tận tùy duyên; 6) Tồn vong thường trong suốt; 7) Dụng tận cùng thời gian vị lai; 8) Tổng quát kết luận về pháp đã nhận biết.

**Ngay trong môn một có ba:** Một, Nêu ra pháp khuyến khích nhận biết, nên nhận biết thế nào, nghĩa là Như Như Bát Niết-bàn..., nên nhận biết như vậy. Hai, Từ “Như Như...” trở xuống là chính thức phân rõ về pháp đã nhận biết: Trước là nêu ra môn Nhất Như để hiểu về Niết-bàn, nghĩa là ngay nơi Song Lâm này đầu hướng về phía Bắc mà Niết-bàn, tức là cùng với Chân Như bình đẳng một vị không sinh-không diệt, cho nên nói là giống như Chân Như, Niết-bàn cũng như vậy. Sau là chín ví dụ như vậy, đều là tên gọi khác của Như, ý hiển bày về Niết-bàn giống như Chân tánh ấy làm cho trong sáng, cho nên dựa theo nhiều môn này mà nói. Ba, Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về Pháp giống như Dự, cũng là giải thích về Sự giống như Lý. Vì sao không dựa theo môn Tánh tịnh ấy để nói về Chân Như này tức là Niết-bàn, mà lại nói là giống như? Giải thích rằng: Nếu dựa theo Chân Như thật tế tức là Niết-bàn, thì đây chỉ là Tánh chứ không có nghĩa về Khởi. Nếu chỉ chọn lấy Niết-bàn hóa hiện ấy, thì đây chỉ là Khởi chứ không có nghĩa về Tánh. Nay hiển bày về Khởi giống như không Khởi, rõ ràng là Tánh Khởi, tức là dựa theo hiểu về Sự giống như Lý mà nói Tánh Khởi Niết-bàn. Sau trong phần Dự thuyết thì nghĩa này càng hiển bày rõ ràng.

**Môn hai chọn** lấy khác với môn Khô đoạn, trong đó có nêu ra-có giải thích.

Trong nêu ra: Không vì Bồ-tát mà nói cứu cánh vĩnh diệt, là dựa theo người hiển bày về Thật, nghĩa là đối với Nhị thừa cũng nói Như Lai vĩnh viễn đoạn diệt, nay dựa vào lý cuối cùng của Thật giáo thuộc

Đại cơ, cho nên không nói.

Sau trong giải thích có hai: Một, Muốn khiến cho Bồ-tát phù hợp với Thật thấy rõ chư Phật ba đời ấy hoàn toàn không có Niết-bàn, môn trước cùng chung Lý tánh mà thường trú, nay phân rõ về Thật đức cũng không có diệt độ, vì sao không nói hoàn toàn không có Niết-bàn, mà lại nói là không nói về cứu cánh Niết-bàn? Giải thích rằng: Vì các Bồ-tát cũng nói đến phương tiện thị hiện Niết-bàn, nhưng không phải cứu cánh. Kinh Thập Trú Đoạn Kết quyển thứ 6 nói: “Đức Phật bảo với Tối Thắng: Từ khi chư Phật Thế Tôn ba đời có danh hiệu đến nay, Ta chưa thấy vị nào Nê-hoàn.” Kinh này ở văn sau thì Trưởng giả tri thức của Thiện Tài, mở tháp thờ pháp tòa bằng gỗ Chiên-đàn của Phật, thấy chư Phật ba đời không có vị nào Niết-bàn. Hai, Từ “Xuất sinh...” trở xuống là trình bày về sinh ra diệu sắc ứng với căn cơ không ngừng nghỉ, nhưng không có phân biệt mà Dụng thường vắng lặng, không để cho Bồ-tát thấy có hai phạm vi của khởi dụng và nhập diệt, cũng không để cho đắm theo hai nơi không có này. Nêu ra giải thích có thể biết.

**Môn ba từ** “Phật tử đản Như Lai...” trở xuống là trình bày về môn không ngăn ngại ẩn hiện, trong đó: Một, Nêu ra, nghĩa là ứng với căn cơ có xuất hiện và tàng ẩn, không ngại ngại mà thật sự không di chuyển. Hai, Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích hiển bày về vô ngại, có thể biết.

**Môn bốn từ** “Phật tử thiết hữu nhật xuất...” trở xuống là trình bày về môn tùy theo căn khí đủ thiếu, trong đó: Trước là Dụ, sau là Hợp. Nghĩa là nêu ra dụ về bóng mặt trời tùy theo đồ vật mà hiện rõ hay không hiện rõ, dụ cho Phật tùy theo căn khí vốn có thiếu-có đủ. Nhiếp Luận quyển thứ mười của Vô Tánh nói: “Hỏi: Nếu Như Lai là thường trú, thì ở tất cả mọi lúc vì sao không hiện rõ? Đáp: Thế giới chúng sinh lỗi lầm mà không hiện rõ, như vầng trăng đối với đồ vật đã vỡ, bởi vì trong đồ vật đã vỡ thì nước không thể nào chứa được, do đó hình ảnh vầng trăng không hiện rõ, đây không phải lỗi của vầng trăng, mà chính là lỗi của đồ vật. Trong thân chúng sinh không có nước Định trong veo tưới thấm Xa-ma-tha, thì hình ảnh của Phật không hiện rõ, không phải lỗi của Như Lai, mà chính là lỗi của chúng sinh.” Giải thích rằng: Trong Lương Nhiếp Luận, đồ vật là dụ cho Trì giới. Lại Nhiếp Luận trình bày về hiển hiện rất sâu xa có hiện bày và không hiện bày, bởi vì căn cơ chứ không phải lỗi của Như Lai; kinh này trình bày về diệt độ rất sâu xa có diệt và không diệt, do căn khí toàn vẹn hay không toàn vẹn, cũng không phải lỗi của Phật. Lại trong này, Niết-bàn cũng là căn khí cảm

đến, cho nên nói là thích hợp nhìn thấy...

**Môn năm từ** “Thí như Đại hỏa...” trở xuống là trình bày về môn Khởi tận tùy duyên, trong đó có ba, đó là Dụ-Hợp và Kết luận.

Đầu là nêu ra dụ về lửa tùy theo có hay không có-cháy hay không cháy, dụ cho Phật tùy theo duyên giáo hóa ấy mà có phát khởi và cuối cùng. Nhiếp Luận quyển thứ mười nói: “Hoặc là Niết-bàn như lửa, như lửa ở thế gian có nơi cháy hừng hực-có nơi tắt ngấm, chư Phật cũng như vậy, đối với những thiện căn chưa thành thực thì hiện rõ Đẳng Chánh Giác, khiến cho thành thực thiện căn, nhanh chóng được giải thoát; đối với những thiện căn đã được thành tục, đã giải thoát thì hiện rõ Bát Niết-bàn vốn không cần thiết.” Giải thích rằng: Hai dụ trong Nhiếp Luận trên đây đều dựa vào kinh này mà đưa ra.

**Môn sáu từ** “Phục thứ Phật tử như Đại huyễn...” trở xuống là trình bày về môn Tôn vong thường trong suốt, trong đó cũng có ba, đó là Dụ-Hợp và Kết luận.

Đầu là nêu ra dụ về nhà ảo thuật tùy theo rời bỏ hay không rời bỏ, dụ cho Phật tùy theo căn cơ mà diệt độ ở nơi này-tồn tại ở nơi kia, nhưng Trí căn bản thường trong suốt. Nói thân huyễn của Như Lai thường trú như pháp giới, là trình bày thân do Tu sinh của Phật, cũng giống như pháp giới vốn là thường còn.

**Môn bảy từ** “Phục thứ Phật tử Như Lai thị hiện...” trở xuống là trình bày về môn Dụng tận cùng thời gian vị lai, trong đó có mười: 1) Định lực hiện rõ thân; 2) Ánh sáng hiện rõ tòa hoa; 3) Dựa vào tòa hiện rõ Phật; 4) Số lượng đầy đủ chúng sinh đã giáo hóa; 5) Vốn có đức đầy đủ nguyện; 6) Ứng cơ giáo hóa làm lợi ích; 7) Giáo hóa tận cùng thời gian vị lai; 8) Thể lìa xa có-không; 9) Trình bày về nguyên do thường trú; 10) Chính thức kết luận về thấy biết. Có những sự việc như vậy đều là lúc Như Lai ở Song Lâm đầu hướng về phía Bắc mà nhập Niết-bàn.

**Môn tám từ** “Phục thứ Phật tử thử Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về tướng có thể nhận biết, trong đó có mười câu: 1) Vô lượng vô biên, là kết luận về môn chọn lấy khác với môn Khôi đoạn trên đây, trình bày về công đức vô biên của Đại Niết-bàn. 2) Pháp giới cứu cánh, làm chỗ dựa của vạn đức, là kết luận về môn Tôn vong thường trong suốt, cho nên trên đây nói thân huyễn của Như Lai thường trú như pháp giới. 3) Vô chướng ngại, là kết luận về môn Khởi tận tùy duyên, trình bày về diệt và không diệt không có gì chướng ngại. 4) Không sinh diệt, là kết luận về môn tùy theo căn khí đủ thiếu, cho nên trên đây nói thật ra Như Lai không sinh-không diệt. 5) Thanh tịnh như hư không, là



kết luận về môn không ngăn ngại ẩn hiện, cho nên trên đây nói thật ra Như Lai không có xuất thế cũng không có Niết-bàn, vì thế cho nên giống như hư không. 6) An trú thật tế, là kết luận về môn Thể thật chân thường đầu tiên trước đây, đó là mười nghĩa như Thật tế... ở văn trên có thể biết. 7) Tùy theo thích hợp mà thị hiện, là bao gồm văn kết luận về ứng với căn cơ hiện rõ tác dụng trong các môn. 8) Do Bốn nguyện duy trì mà không rời bỏ chúng sinh. 9) Không rời bỏ quốc độ. 10) Không rời bỏ pháp. Ba câu này là kết luận về môn Dụng tận cùng thời gian vị lai sau cuối, nghĩa là Nguyện lực duy trì cho nên tận cùng thời gian vị lai..., có thể biết.

**Trong tụng:** Hai kệ đầu tụng về môn thứ tư, hai kệ tiếp tụng về môn thứ năm, hai kệ tiếp tụng về môn thứ sáu, bốn kệ tiếp tụng về môn thứ bảy, hai kệ sau cuối tụng về môn thứ nhất, còn lại ba môn lược qua không tụng. Giải đáp về Niết-bàn, xong.

**Thứ mười:** Trình bày về Tánh Khởi thuộc Thiện Căn thấy-nghe-cung kính cúng dường. Trước đã nêu rõ Niết-bàn, nay trình bày về cúng dường, còn lại dấu tích thành tựu lợi ích không hư rộng cho nên tiếp theo trình bày.

Trong phần Trường hàng, trong giải thích có ba: 1) Dựa vào Pháp; 2) Dựa theo Dụ; 3) Chọn lấy Dụ khác với Pháp.

Trong phần một: Trước là tổng quát phân rõ, đó là đối với Phật, hoặc là thấy Phật và hình tượng, hoặc là nghe danh hiệu và xưng niệm, hoặc là ba nghiệp cung kính, hoặc là cúng dường bốn sự, đối với bốn phần vị này đã gieo trồng thiện căn, rộng nhiều vô hạn không thể nói ra được, cho nên nói là công đức vô tận. Sau là trong riêng biệt hiển bày sơ lược nêu ra ba loại quả: Một, Quả đoạn diệt Hoặc chướng; Hai, Từ “Ư nhất thiết...” trở xuống là quả thuộc đức cùng tận thời gian vị lai; Ba, Từ “Khởi chư Phật...” trở xuống là quả thành tựu Đại Bồ-đề. Lại đầu chỉ là quả thuộc Đoạn khiến cho đạt được Niết-bàn, sau chỉ là quả thuộc Trí khiến cho đạt được Bồ-đề, trung gian bao gồm cả hai, đó là rời bỏ hữu vi mà thuận với vô vi.

Trong phần hai là Dụ cũng có ba: Một, Dụ về nuốt một chút Kim cang, dụ cho quả thuộc đức cùng tận thời gian vị lai ở quả thứ hai trước đây, nghĩa là tánh của thiện căn nhỏ bé không thể cùng tận. Hai, Dụ về đốm lửa nhỏ có thể đốt cháy, dụ cho quả thuộc đoạn diệt Hoặc chướng ở quả thứ nhất, nghĩa là tánh của thiện căn nhỏ bé có thể diệt trừ Hoặc chướng. Lại giải thích: Trước là diệt trừ Sở tri chướng, sau là diệt trừ Phiền não chướng. Ba, Dụ về cây thuốc chúa có nhiều lợi ích, dụ cho

quả thuộc thành tựu Đại Bồ-đề ở quả thứ ba.

Trong Hợp có hai: Một, Lấy Phật hợp với cây thuốc chúa, thấy-nghe... là trình bày về Phật tại thế làm cảnh của sáu căn, vì vậy luận Phật Tánh nói: “Thân của chư Phật Như Lai như hư không vô tướng, làm cảnh giới của sáu căn cho những người có trí thù thắng, thị hiện Sắc vi diệu, phát ra Thanh âm vi diệu, khiến cho người thấy Hương giới của Phật, cùng chung Vị diệu pháp của Phật, khiến cho cảm giác về Xúc của Tam-muội, khiến cho nhận biết về Pháp rất vi diệu.” Phần lớn giống như kinh này. Hai, Từ “Nhược hữu đắc kinh quyển...” trở xuống là hợp với đất đai... trình bày về lợi ích sau khi Phật diệt độ. Trên đây là trình bày về nhiều lợi ích rộng lớn. Từ “Phật tử nãi chí bất tín...” trở xuống là trình bày về nhiều lợi ích sâu xa. Trong kinh Như Lai Bí Mật Tạng nói: “Mãng người uống thuốc có được sức mạnh... mãng người đốt trầm rồi cũng được hương thơm... mãng Phật còn hơn cung kính ngoại đạo...” Trong kinh Đại Bi năm quyển nói: “Những người xuất gia thân mặc Ca-sa, giả sử tay trái dắt theo con trai, tay phải dắt theo con gái, từ một tiệm rượu đến một tiệm rượu, Đức Phật nói Ta thọ ký người này, không ra khỏi Hiền kiếp sẽ Bát Niết-bàn.” Những văn như vậy cùng trình bày về pháp không nghĩ bàn của Như Lai.

Trong phần ba là chọn lấy Dụ khác với Pháp, có nêu ra-có giải thích, bởi vì không phải ví dụ của thế gian mà có thể tương tự, cho nên nói là vượt quá nghĩ bàn; từ “Đẩn tùy...” trở xuống là trình bày về phương tiện nói Dụ, không phải là so sánh tương tự; từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận, có thể biết.

Kệ tụng ở sau, vốn hiển bày về sự đan xen ấy. Trên đây là phần Thuyết giảng, xong.

Phần thứ năm là phần hiển bày tên gọi thọ trì, trong đó có hai: Trước là đưa ra hai câu hỏi; sau là trở lại giải đáp hai câu hỏi. Vì sao trong này phân rõ về tên gọi và thọ trì, là hiển bày về nghĩa chân thật, bởi vì Tánh Khởi là Thể của pháp, vốn là vi diệu quan trọng.

Trong giải đáp: Một là giải đáp về tên gọi, dựa vào Quang Thống... thì tổng quát đưa ra mười tên gọi: 1) Gọi là Chư Phật Bí Mật Tạng Kinh, bởi vì chính là pháp Nội chứng của chư Phật. 2) Gọi là Thế Gian Bất Năng Tư Nghị Kinh, bởi vì phạm phu-Tiểu thừa không lường được. 3) Gọi là Như Lai Sở Ẩn Kinh, bởi vì pháp sâu rộng này là pháp ẩn của Như Lai. 4) Gọi là Đại Trí Quang Minh Kinh, bởi vì trí của Phật phát ra ánh sáng khiến cho được sáng tỏ. 5) Gọi là Khai Phát Thị Hiện Như Lai Chứng Tánh Kinh, tên gọi của phẩm Tánh Khởi từ đây mà thiết lập; lại

giải thích khiến cho chủng tánh Phật phát khởi tác dụng hiện rõ trước mắt, gọi là khai thị. 6) Gọi là Trưởng Dưỡng Bồ Tát Công Đức Kinh, trước đây dựa vào chủng tánh mà phát tâm-khởi hạnh, nay khiến cho hạnh này tùy theo tu dần dần lớn lên. 7) Gọi là Thế Gian Bất Năng Phá Hoại Kinh, trình bày về Thế của hạnh ấy thường ở thế gian, mà không bị tám pháp làm cho hủy hoại; lại giải thích bởi vì không bị bốn tướng làm cho thay đổi. 8) Gọi là Tùy Thuận Như Lai Cảnh Giới Kinh, bởi vì nhân của hạnh ấy có thể thuận theo quả. 9) Gọi là Linh Chúng Sinh Giai Thanh Tịnh Kinh, bởi vì khiến cho phát sinh niềm tin thanh tịnh đối với Phật quả; lại bởi vì Lợi tha khiến cho lìa xa chướng ngại tạp nhiễm. 10) Gọi là Phân Biệt Thuyết Phật Cứu Cánh Pháp Kinh. Chín câu trên là dựa theo Nghĩa, câu này là dựa theo Giáo, bởi vì Tánh Khởi của Phật quả đã thuyết giảng là pháp cứu cánh. Và lại, nghĩa của mười tên gọi trên đây đều lấy câu sau để giải thích câu trước, có thể biết.

Hai từ “Phật tử như thị kinh điển...” trở xuống là giải đáp về vâng lời thọ trì, trong đó có bốn: 1) Phân rõ xác định về pháp khí; 2) Nêu ra lợi ích khuyến khích tin nhận; 3) Tin thuận thành tựu lợi ích; 4) Trình bày về khuyến tu thành tựu lợi ích.

Trong phần một có ba, đó là Pháp-Dụ và Hợp.

Đầu là trong Pháp có hai: Một, Tổng quát nêu ra căn khí và không phải căn khí; Hai, Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu.

Trong mục một: 1) Nêu ra căn khí tiếp nhận thuộc Thừa không thể nghĩ bàn. Thừa là nghĩa về vận chuyển, nhưng vận chuyển có hai loại: a) Theo thứ tự vận chuyển, nghĩa là từ bé nhỏ đến có được, tăng bậc phần vị dần theo thứ tự, cho đến cứu cánh gọi là Thừa có thể nghĩ bàn. b) Một vận chuyển thì tất cả vận chuyển, nghĩa là Thập Tín đầy đủ tâm thì thâm nhiếp các phần vị, viên dung vô ngại gọi là Thừa không thể nghĩ bàn. Luôn luôn dốc lòng mong cầu thì không những là pháp đã tiếp nhận thâm nhiếp nhau vô ngại, mà hạnh có thể tiếp nhận cũng không xen tạp những niệm khác; như phẩm Pháp Giới ở sau nói: Tất cả Bồ-tát tu trải qua vô lượng kiếp, Thiện Tài trong một đời đều đạt được, đều nhờ vào lực tinh tiến của tâm thẳng thắn. 2) Không vì người khác là chọn lấy không phải căn khí, nhưng còn có ba loại: a) Phàm phu; b) Nhị thừa; c) Bồ tát Trú thứ nhất trong Quyền giáo, đó là Bồ-tát thuộc Thừa có thể nghĩ bàn, như văn sau này nói: Thực hành sáu Ba-la-mật trải qua ức Na-do-tha kiếp mà không nghe-không tin...

Trong mục hai từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về Nhất thừa sâu rộng bao gồm tất cả các phẩm, vì sao không nói cho những người khác?

Giải thích là chỉ vì sâu rộng bao gồm tất cả, vốn không phải căn cơ hạn hẹp mà tiếp nhận. Không đưa vào tay chúng sinh, tay có bảy nghĩa: 1) Dựa theo phần vị, nghĩa là tu học kinh này, nhất định vượt ra ngoài cảnh của chúng sinh, cho nên gọi là không đưa vào tay, bởi vì đây không phải là pháp thế gian thâm nhiếp. 2) Dựa theo tâm, nghĩa là nếu không phát khởi tâm Đại Bồ-đề thì không phải căn khí của kinh này, cho nên nói là không đưa vào tay, vì vậy nếu không phát tâm thì suốt ngày cầm quyển kinh mà chưa hề đưa vào tay. 3) Dựa theo hạnh, nghĩa là kinh này chính là hạnh chủ yếu của đạo Bồ-tát, nếu khởi lên phiền não tạo nghiệp thì gọi là hạnh chúng sinh, kinh không phải là điều quan trọng của họ, cho nên không đưa vào tay; vậy thì nếu như vì danh tiếng-lợi dưỡng mà giảng giải-đọc tụng kinh này, kể ra số lượng tuy nhiều mà chưa hề đưa vào tay. 4) Dựa theo trí, nghĩa là trí thuộc kiến chấp của các thế gian gọi là trí chúng sinh, kinh vượt lên trên kiến chấp ấy gọi là không đưa vào tay; vậy thì nếu như thọ trì kinh này mà không phá bỏ kiến chấp, vốn cùng với kinh này không hề gặp nhau. Vì vậy cần phải làm trái kiến chấp của chúng sinh mà thuận theo pháp này, thì mới gọi là đưa vào tay. Luận Thập Địa nói: “Nếu nghe thì mê muội bế tắc.” Luận giải thích là nghe làm-nghe hiểu, không thể nào không nghe... 5) Dựa theo niềm tin, nghĩa là tuy chưa có thể phá bỏ kiến chấp đích thực tiến vào, mà đối với sự việc khó nghĩ bàn ở ngoài tình thức này vẫn có thể quyết định tin tưởng, cũng gọi là đưa vào tay; nếu không tin tưởng thì gọi là không đưa vào tay. Vì vậy kinh Pháp Tập nói: “Kinh này tuy lưu hành ở cõi Diêm-phù-đề, mà hạnh ở trong chúng sinh được chư Phật gia hộ, đối với pháp sâu xa có thể tin tưởng là thường trú, tâm chúng sinh như vậy là hạnh trong tay.” Giải thích rằng: Niềm tin có thể tiếp nhận, vốn giống như nghĩa của tay. Hiền Thủ ca ngợi niềm tin rằng: “Làm bàn tay thanh tịnh tiếp nhận các hạnh.” Chính là nói đến nghĩa này. 6) Dựa theo hàng Nhị thừa cũng không đưa vào tay họ. 7) Dựa theo Bồ-tát Quyền giáo cũng không đưa vào tay, bởi vì tuy nghe mà không tin tưởng; chỉ trừ ra Bồ-tát, là đã nói không đưa vào tay của tất cả chúng sinh. Câu nói này có lạm dụng, nay chọn bỏ vượt qua bảy loại trước, chọn lấy pháp khí, tức là Bồ-tát tiếp nhận thuộc Thừa không thể nghĩ bàn.

Trong Dự có năm câu. Trong Hợp cũng có năm: 1) Kinh này hợp với bảy báu; 2) Không đưa vào tay hợp với không có năng lực duy trì; 3) Chỉ trừ Chân tử tử trong chủng tánh sinh ra là hợp với Thái tử do Đệ nhất phu nhân sinh ra; 4) Gieo trồng tướng của Như Lai... là hợp với đầy đủ tướng của Thánh Vương; 5) Nếu không có những loại này là hợp

với nếu không có Thái tử thì bảy báu phân tán không còn, bởi vì không có tu hành thì giáo pháp không lưu hành, cho nên gọi là Kinh diệt mất. Luận Bát Nhã nói: “Lúc pháp sắp diệt là bởi vì người tu hành diệt.” Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên do không có Chân tử cho nên kinh diệt mất, có thể biết.

Trong phần hai là nêu ra lợi ích khuyến khích tin tưởng tiếp nhận, có hai: Một, Trình bày về lợi ích của nghe và tin tưởng tiếp nhận, có nêu ra-có giải thích. Làm một chút phương tiện, là bởi vì dựa vào Phổ Môn thâm nhiếp lẫn nhau, một đạt được thì tất cả đạt được, như Thiện Tài trong một đời, Long Nữ nhanh chóng trong khoảnh khắc... Hai, Trình bày về nghe và tin tưởng tiếp nhận khó được, nghĩa là nếu Bồ-tát dựa vào trong giáo dần dần theo thứ tự của Tam thừa, thì dù cho trải qua kiếp số như vậy, tu tập thực hành những Đạo phẩm như sáu Độ... bởi vì căn chưa thuần thực cho nên không nghe-không tin tưởng kinh Nhất thừa này. Nếu không như vậy thì trong kinh Anh Lạc... nói trải qua mười ngàn kiếp tu Tín thành tựu đầy đủ, lẽ nào có thể vô lượng ức Na-do-tha kiếp tu tập thực hành sáu Độ, hãy còn không tin tưởng kinh này hay sao? Đã không phải Nhị thừa, lại là Bồ-tát như thế nào? Điều này giống như trong kinh Pháp Hoa nói, nếu không tin tưởng pháp này, thì ở trong pháp sâu xa khác của Như Lai, nêu ra giáo làm cho lợi ích vui mừng. Cũng giống như văn trên nói cầu pháp Đại thừa hãy còn là dễ, có thể tin tưởng pháp này là rất khó.

Hỏi: Tu tập thực hành trải qua kiếp số như vậy hãy còn chưa có thể tin tưởng, nay các hạng phàm phu ngu si làm sao có thể tin tưởng? Đáp: Vốn có chủng tánh thì nghe liền tin tưởng tiếp nhận, nếu không như vậy thì nhiều kiếp khó tiến vào; thời nay có người phần nhiều không tin tưởng, thì không đủ để lấy làm lạ lùng.

Hỏi: Không tin tưởng như vậy, là Bồ-tát ở phần vị nào?

Đáp: Vãn không có quyết định đích thực, dựa theo kiếp số ấy, mười ngàn đã qua Tăng-kỳ chưa đủ, thích hợp là người ở phần vị Tam Hiền.

Hỏi: Lại đến phần vị nào mới có thể tin tưởng pháp này?

Đáp: Cuối cùng đến phần vị này, nhất định tin tưởng tiến vào pháp Nhất thừa này, hoàn toàn không có ai chứng Địa mà không tin tưởng pháp này.

Hỏi: Vì sao Nhị thừa cho dù đạt được La-hán mà cũng không tin tưởng tiến vào, Bồ-tát Tam thừa không đến Địa thượng mà có thể tin tưởng?

Đáp: Bởi vì Tam thừa thù thắng, vốn là phương tiện gần, không giống như Nhị thừa. Vì vậy nếu tiến vào pháp này, thì đối với Thập Tín đầy đủ tâm, có đủ tất cả phần vị, cùng lúc mà đạt được. Nói Bồ-tát giả danh, là chỉ dựa vào Quyền giáo, tu hành chưa đạt được Thật hạnh của Nhất thừa. Không từ chủng tánh sinh ra, vốn là phương tiện chứ không phải là Chánh nhân của Phật, bởi vì chưa thuận với tánh vốn có của chư Phật ba đời.

Phần ba từ “Phật tử nhược Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về lợi ích của tin tưởng tiếp nhận, trong đó có mười câu: Một, Trở thành Chân tử; Hai, Thuận với cảnh Phật; Ba, Có đủ pháp của nhân; Bốn, Trú vào cảnh phía trên; Năm, Rời bỏ phần vị phía dưới; Sáu-Tăng thêm hạnh của Phật; Bảy, Đầy đủ phần vị của nhân, nghĩa là Thập Địa cuối cùng là bến bờ giải thoát của Bồ-tát; Tám, Tiến vào pháp của quả, nghĩa là ở nơi thần thông tự tại bí mật khó suy lường của Phật có thể khéo léo thông hiểu; Chín, Đạt được quả vị, nghĩa là chỉ riêng Phật không có Thầy; Mười, Cùng tận phạm vi của quả, cho nên nói là tiến sâu vào. Ở trong mười câu này, ba câu đầu là thành tựu lợi ích của Tam Hiền, bốn câu tiếp là thành tựu lợi ích của Thập Địa, ba câu sau là thành tựu lợi ích của quả Phật. Tin tưởng tiếp nhận pháp này thành tựu lợi ích như vậy, nên biết.

Phần bốn từ “Phật tử Bồ-tát văn thử...” trở xuống là trình bày về lợi ích của tu hành, trong đó cũng có mười câu: Một, Tâm thuộc Bi-Trí, bình đẳng là Trí, vô lượng là Bi; Hai, Từ “Viễn ly...” trở xuống là tâm rời bỏ và hướng về, nghĩa là tâm thẳng thắn hướng về lý; Ba, Từ “Diện đối...” trở xuống là hạnh thuộc Niệm-Tuệ, nghĩa là Niệm đối diện hiện tại, Tuệ soi chiếu bình đẳng; Bốn, Từ “Phân biệt...” trở xuống là thông hiểu về hạnh thuộc nhân; Năm, Từ “Cụ túc...” trở xuống là thành tựu trí thuộc quả; Sáu, Từ “Viễn ly nhất thiết...” trở xuống là hạnh liả nhiễm; Bảy, Từ “Phát thanh tịnh...” trở xuống là hạnh rộng lớn; Tám, Từ “Thâm nhập...” trở xuống là hạnh ấy sâu xa; Chín, Từ “Bình đẳng quán...” trở xuống là quán sát về hạnh của quả; Mười, Từ “Thâm nhập thử đẳng...” trở xuống là chứng hạnh sâu xa.

Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về tướng của lợi ích, có thể biết.

Trong tụng, chỉ tụng về lợi ích của thấy nghe... ở phần thứ mười trước đây, không tụng về tên gọi và thọ trì... Có tám kệ phân bốn: Hai kệ đầu tụng về Pháp thuyết, sáu kệ còn lại tụng về ba Dự, mỗi Dự có hai kệ, có thể biết.

Phần thứ sáu là trong phần biểu hiện điềm lành chứng minh thành tựu, có hai: 1) Biểu hiện điềm lành cũng có hai: Trước là ở quốc độ này, nghĩa là mặt đất rung động-mưa xuống cúng dường biểu thị cho pháp chân thật; sau từ “Như thử...” trở xuống là kết luận nối thông mười phương, tức là hiển bày về một thuyết giảng-tất cả thuyết giảng. Đây cũng là bao gồm kết luận về pháp đã thuyết giảng trước đây, bởi vì đều thuận với căn thành tựu lợi ích, khiến cho Bồ-tát đều hết sức hoan hỷ. 2) Trong chứng minh thành tựu cũng có hai: Trước là quả, sau là nhân, đều có một chứng minh-tất cả chứng minh.

Ngay trong chứng minh về quả Phật cũng có hai: a) Hiện thân để chứng minh có ba: 1) Hiện thân; 2) Khen ngợi thuyết giảng; 3) Đưa ra chứng minh. b) Từ “Thuyết thử kinh thời...” trở xuống là nêu ra lợi ích để chứng minh, trong đó có năm: Một, Lợi ích của đầy đủ phần vị Bồ-tát vị mãn có ích, hiểu rõ tất cả là Trí. Hai, Lợi ích của chúng sinh phát tâm cùng tên gọi Thắng Cảnh, bởi vì duyên với Tánh Khởi thuộc pháp thù thắng làm cảnh mà phát tâm, nhân đó thiết lập tên gọi này. Ba, Từ “Thị cố...” trở xuống là trình bày về ý hộ trì của Phật. Bốn, Từ “Như thử...” trở xuống là kết luận nối thông rộng khắp, nghĩa là cho đến thế giới như pháp giới hư không..., mỗi một thế giới đều có bấy nhiêu Bồ-tát, bấy nhiêu chúng sinh, đều đạt được lợi ích này. Năm, Đưa ra nhân có khắp nơi, sơ lược đưa ra tám nhân, là mười thuộc số giảm: Hai nhân đầu là có thể thuyết giảng-đã thuyết giảng làm một cặp; hai nhân tiếp là có thể cảm đến-đã cảm đến làm một cặp, đó là lực của thiện căn chính là có thể cảm đến; hai nhân tiếp là có thể giáo hóa-đã giáo hóa làm một cặp, đó là duyên với căn chín muồi, giáo hóa không mất thời cơ, vốn là lập tức duyên vào hội tụ; hai nhân sau cuối là có thể thành tựu-đã thành tựu làm một cặp, đó là hạnh Phổ Hiền chính là nhân có thể thành tựu.

Trong phần Bồ-tát chứng minh thành tựu: Vì sao phẩm này có hai chứng minh về nhân quả, hiển bày về Tánh Khởi vốn là huyền diệu, vốn là căn bản của nhân quả, vốn là quả Phật đã đạt được, vốn là pháp Học của Bồ-tát. Kinh này trên dưới chứng minh có bốn câu phân biệt: 1) Hoặc là chỉ riêng Phật chứng minh, như phẩm Phát Tâm, bởi vì Sơ tâm thành Phật thì sự việc sợ rằng khó tin được. 2) Hoặc là chỉ riêng Bồ-tát chứng minh, như các Hội trước, bởi vì các phần vị đã thực hành do Bồ-tát mà đạt được. Nếu như vậy thì đâu cần phải chứng minh? Giải thích là bởi vì mỗi một hạnh vị đều nhiếp tất cả, sự việc vượt qua quy tắc thông thường, vì vậy cần phải chứng minh. 3) Hoặc là có cả hai, như

phẩm này, nguyên cố như trước. 4) Hoặc là không có cả hai, như Hội thứ nhất..., bởi vì văn ấy chưa đến cuối cùng.

Ngay trong văn này có hai: Trước là một chứng minh, sau là tất cả chứng minh.

Trong phần trước có năm: Một, Bồ-tát đến đây khắp nơi pháp giới. Hai, từ “Thị hiện...” trở xuống là mười môn phân rõ về đức dụng. Ba, từ “Thời bỉ...” trở xuống là ca ngợi về pháp đã thuyết giảng này. Bốn, từ “Phật tử...” trở xuống là nói rõ đã hiển bày giống nhau, nghĩa là tên gọi giống nhau, xứ sở giống nhau, người chủ giống nhau, công hạnh giống nhau, thuyết giảng giống nhau, câu văn giống nhau, chữ viết giống nhau, ý nghĩa giống nhau, lý lẽ giống nhau. Năm, hiển bày về ý đã đưa ra, bởi vì làm chứng cho nên sơ lược đưa ra hai nhân, đó là Phật lực và Pháp lực.

Sau là kết luận nối thông tất cả chứng minh, có thể biết.

Trong phần thứ bảy là phần trùng tụng, có hai: Trước là ý mở đầu, sau là chánh tụng.

Trong ý mở đầu: Trước là quán xét Đại chúng, sau là hiển bày về ý.

Trong hiển bày về ý có mười một câu, muốn trở lại hiển bày về mười môn Tánh Khởi trước đây: 1) Tánh Khởi thuộc Chánh Pháp là môn thứ nhất trước đây; 2) Vô lượng công đức là trình bày về Thân nghiệp; 3) Chánh pháp không hủy hoại là trình bày về Âm thanh khéo léo thuyết giảng; 4) Trí tuệ như nhau; 5) Có đủ pháp siêu việt của Phật là phân rõ về hạnh của Như Lai; 6) Tâm chúng sinh là cảnh giới, trước đây nói cảnh giới của tâm là cảnh giới của Như Lai; 7) Giáo hóa không mất thời cơ, là hợp thời thị hiện đạt được Đại Bồ-đề; 8) Phân biệt tất cả... là chuyển Pháp luân; 9) Biến hóa, là thị hiện Niết-bàn; 10) Thân không có gì đối khác, là Pháp thân thường trú. Hai câu trên là hiển bày về Niết-bàn. 11) Sinh ra tất cả... là thấy nghe-cung kính cúng dường, sinh ra nhiều pháp thiện thù thắng.

Sau là trong phần chánh tụng, có bảy kệ: Hai kệ đầu tụng về phần Thuyết giảng trước đây; ba kệ tiếp tụng về phần hiển bày tên gọi và thọ trì trước đây; hai kệ sau cuối ca ngợi về thù thắng khuyến khích thọ trì.

Ngay trong hai kệ đầu: Đã thành tựu oai nghi, là trình bày về cử chỉ và động tác của Phật đã thực hiện không phải ngôn từ có thể giải thích được, không phải ví dụ có thể so sánh được, đây là hiển bày về Tánh Khởi của quả Phật ngay nơi tướng khó mà trình bày. Nếu như vậy thì tại sao mười môn thuộc Tánh Khởi ở văn trên, đều là do Như Lai mà



thành tựu, nói nghi, mở rộng theo ngôn ngữ ví dụ, mà giải thích phân rõ chẳng? Giải thích là bởi vì lợi ích chúng sanh khiến cho có thể hiểu rõ, phương tiện dùng hình ảnh và tiếng vang để nói một phần ít về dụ, khéo léo hiển bày chân thật khiến cho lĩnh hội xa hơn, chứ không nói là pháp ấy cũng như ví dụ này, do đó nói là bởi vì không phải ví dụ... Đây là dựa theo duyên làm phương tiện để hiển bày về Tánh Khởi.

Ba kệ tiếp tụng về phần hiển bày tên gọi và thọ trì, trong đó: Một kệ đầu trình bày về hiện tại có đủ đức mới có thể được nghe, nghĩa là Tinh tiến tụng về luôn luôn dốc lòng mong cầu... trước đây, Trí tuệ tụng về tiếp nhận thuộc Thừa không thể nghĩ bàn... trước đây, Vi tế bí mật và Như Lai Tạng tụng về tên gọi của kinh trước đây. Một kệ tiếp trình bày đầy đủ lực của nhân vốn có, nghe liền sinh hoan hỷ tụng về gieo trồng thiện căn Như Lai... trước đây. Một kệ tiếp trình bày về trời-Phật khen ngợi bảo vệ hiển bày tương lợi ích của nghe.

Trong hai kệ sau cuối ca ngợi về thù thắng khuyến khích thọ trì: Một kệ đầu dựa theo người ca ngợi về pháp, hai câu trước hiển bày về kinh này là kho tạng bên trong của người thù thắng như Phật, hai câu tiếp hiển bày về Phật dùng kho tạng bên trong này phủ khắp các Đại Bồ-tát khiến cho vô cùng hoan hỷ. Kết luận nối thông trên đây nói khiến cho các Bồ-tát đều hết sức hoan hỷ, chính là nói đến nghĩa này. Trong kệ sau, hai câu trước dựa theo Dụng ca ngợi thù thắng, trình bày về các Bồ-tát duyên vào pháp thù thắng này sinh ra Thánh đạo vô lậu của Phổ Hiền, hai câu sau kết luận khuyến khích vâng lời thọ trì. Giải thích phẩm Tánh Khởi, xong. Toàn bộ Hội thứ sáu, xong.

